

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

—><—><—
ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^o VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



hủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-đình-Bính

Chánh chủ-bút: Phan-chung-Thứ
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Phó chủ-bút : Dương-vân-Hiền
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

KINH TRÌNH CÁC GIÁO HỮU VÀ
THẬP - PHƯƠNG THIÊN - TÍN

Nhờ ơn Phật - 10
ủng hộ công việc
chấn hưng của Hội
Phật-giáo ta mỗi
ngày một bành
trướng, số hội viên
hiện nay đã khá
nhiều, nên hội có
cử M. Đoàn-văn-
Tuyển đi từng nhà
các hội-viên để thu
tiền nhập Hội và
niên-liếm, vậy các
giáo-hữu thầy M.
Đoàn-văn-Tuyển
đem biên thu tiền
của Hội đến thu
thì xin cử tín nhiệm
mà giao tiền cho.
và biên vào bảng thu liền là : **đã đóng tiền rồi**



Chân-dung M. Đoàn-văn-Tuyển

Các hội viên qua lại Hội quán trong khi lễ bái nếu
muốn tiện đóng liền ngay thì xin cử đóng cho Sư
Cụ Cồn là Đương Gia chùa Hội quán, hay ông Nguyễn
hữu-Kha là Trưởng-Ban Hộ-Niệm thu nhận.

Những số tiền của Hội-viên đóng sẽ chuyển giao
sang ông Tổng Thủ-Quỹ của Hội nhận giữ.

Ban Trị-sự Hội Phật-giáo Bắc kỳ

Kính đạ

Cung chúc Tân niên

TẾT NGUYÊN - ĐÁN

NĂM MỚI MẬU - DẦN

Đuốc - Tuệ mừng tuổi

Các Quý - vị Đốc - giả,

Các Giáo-hữu Thập phương

Hoà đón xuân về, muôn tia nghìn hồng rực rỡ ;
 Pháo mừng năm mới, mười phương tám cõi từng bừng.
 Trời Nam đem lại thiều quang, cảnh cựu tuế tiêu điều rút hết ;
 Đất Việt chuyển sang thái vận, cuộc canh tân thịnh - vượng
 rước chào.

Đó là cảnh tượng ngày tết nguyên đán năm Mậu - dần hôm nay, cái ngày bắt đầu của cả một năm. Cái ngày mỗi bốn mùa, mười hai tháng, ba trăm sáu mươi nhăm ngày lại nhắc lại cho ta bao mối cảm tình, bao điều hi-vọng. Ngày ấy tồ tông đất nước đã để lại cho ta. Cho ta ngất quăng cái thời-gian miềm man vĩnh viễn mà lúc nào ta cũng phải phấn-đấu với sự sống còn một cách rất gian-lao, tân-khổ, thì đề ra một ngày mà thông thả mừng lấy-tuổi trời

Nhờ ngày hôm nay, mà nơi thành-thị, chốn thôn quê, những kẻ lao động, khách viễn-hành, quanh năm vất vả cô đơn, được có dịp vấn tở tâm tông, đoàn-viên hợp mật.

Nhờ ngày hôm nay mà người mộ-đạo, kẻ chân tu, vì bận việc sinh nhai, dẫu tất mật tối quanh năm, được có dịp vấn cảnh tham thiền, nghe câu đạo lý.

Ấy ngày tết nguyên đán hôm nay đã mang lại cho ta bao mối cảm tình là thế.

Lại nhờ có ngày hôm nay, nhân lễ mừng xuân được lúc thanh nhàn, khắp công cồ sĩ nông, có dịp ngồi mà tính cuộc tiền-trình, mong cho năm này hơn năm trước.

Cho đến người trừ mưu việc nước, thấy tin xuân cũng cầu cho thế vận nhật tân.

Mà những cô nữ-sĩ, cậu học-sinh thấy năm mới cũng phần-chấn học hành cho kịp thời thành đạt.

Ấy ngày tết nguyên đán hôm nay đã đưa đến cho ta bao điều hi vọng lớn lao lại là thế.

Được tuệ nhân lễ tân niên tòa soạn sum họp.

Thiên-môn hoa nở, pháp-tọa hương xông,

Trước hiên đào mím hạnh cười, mừng thấy bóng dương tuệ nhật ;

Ngoài viện oanh ca yến nói, hòa nên khúc nhạc pháp âm.

Ba nghìn thế-giới xuân quang,

Một nén tâm hương phả-nguyện :

Được tuệ có lời mừng tuổi các quý vị độc giả cùng các giáo-hữu thập phương sang năm mới Mậu-dần này, các Ngài :

Thọ toán càng tăng, phúc duyên càng bậu

Giới cho sức khỏe Phật giúp công lành.

Lan quốc một sân đua nở, giồng Thiện-sinh sáu lễ châu toàn ;

Kiong mây muôn dặm hanh thông, đạo Bồ tát bốn ân trọn vẹn.

Sau nữa, Đuốc tuệ lại xin mừng tuổi khắp trong quốc độ cùng ngoài thế giới hoàn cầu, sang năm Mậu dần này, đầu đầy đều

khỏi mọi thiên tai nâng lụt hết mọi nhân họa chiến tranh.

Hết thầy loài người cùng quy y về một đạo từ bi bình đẳng,
cùng buông tha cho nhau cùng giã điu cho nhau, cho cùng lên
con đường văn minh tiến hóa vô thượng.

Mà lấp phẳng bề trầm luân trên hiện thế,

Sây cao đài cực lạc giữa nhân gian.

Đó chính là đại nguyện của Đuốc tuệ.

Nay kính chúc

ĐUỐC - TUỆ

*Kính cáo cùng các vị có lòng
yêu quý « Đuốc - Tuệ »*



Báo ra tới kỳ này đã quá 2 năm rồi, mà còn thấy có nhiều độc - giả mua từ khi mới xuất bản, hoặc mua trong năm ngoái đến nay cũng vẫn chưa nhận được tiền giả. Từ báo Đuốc - Tuệ mục đích cốt để tuyên dương giáo lý của Phật, có được lời chút nào chỉ chuyên đề cung cấp về sự học của các vị tăng ni, lo toan sau này có người duy trì Phật pháp, để hoằng hóa cho nhân dân.

Từ nay muốn tiện việc sổ sách chúng tôi xin xét trong sổ, nếu thấy vị nào chưa giả tiền, về 2 năm trước, xin gửi thơ nhắc lại để quý vị rõ, nếu vị nào chưa giả, xin ngài vui lòng vì đạo mà giả ngay cho. Như vị nào giả rồi, mà còn thấy có thơ nhắc đến, xin các ngài biên vào thơ ấy gửi lại cho biết rõ là ngài đã giả tiền bằng cách gì, có biên lai của bản báo không ? tên ai ký nhận ? hoặc gửi ai mang giả, hay gửi nhà giấy thép, mà bị thất lạc, xin kê rõ giả ngày tháng nào để chúng tôi tìm cách điều tra, xem thất lạc tại đâu ? Hiện chúng tôi cũng đã nhận được mấy nơi báo cho biết là đã giả

rồi, song chúng tôi vẫn chưa nhận được tiền, e rằng có kẻ giả mạo đi thu nên bắt đặc dĩ bản báo phải gửi thơ hỏi lại, xin các ngài lượng xét cho

Từ nay trở đi vị nào giả tiền xin gửi thẳng cho bản báo, hoặc gửi ai phải là người cần thận, và lấy biên lai chính của bản báo làm bằng, hoặc thấy tên của qui ngài đăng trong bản báo, thì mới đúng là bản báo đã nhận được tiền rồi. Nếu trái lại thì bản báo không chịu trách nhiệm, vẫn coi như là chưa giả. Sau nữa xin cảm tạ lắm lòng tốt xảng vì đạo, của những vị đã giúp đỡ cho 2 năm vừa qua, tuy gặp phải thời kỳ kinh tế eo hẹp mà bản báo vẫn phải cố gắng phát hành như thường, không hề đình trệ kỳ nào, giá báo rất rẻ, năm thứ nhất ra 52 số năm thứ 2 chỉnh đốn lại ra thêm trang, đóng bìa tử tế cần thận, cả năm 24 quyển, mà cũng chỉ có 1\$00 thôi. Bruce sang năm 1938 vẫn ra như năm ngoái, mà giá phải lằng lên 0,50 thành mỗi năm 1\$50 là vì nhiều cơ, chắc các ngài cũng đã hiểu rằng : từ nửa năm 1937 chính phủ thi hành luật lao động, thợ làm rút giờ xuống, công phải lằng cao lên, lại thêm các vật liệu như giấy mực v. v. đều đắt gấp 2 gấp 3 khi trước, nên các báo đã phải lên giá gấp rưỡi ngay từ năm ngoái, mà bản báo vẫn cứ giữ đúng giá cũ, cho đến ngày nay, mới dám lằng lên 0\$50, cũng chỉ vừa đủ liền in và liền gửi mà thôi, miễn là sao cho xảng đáng cái nghĩa vụ vì đạo chứ không phải vì lợi, khiến cho ai ai cũng có thể mua được mà thôi nhưng xin giả liền trước thì bản báo mới gửi báo được. Các vị Vinh-viễn và Tân-trợ hội viên của hội Phật giáo, đều kính biểu không, còn vị nào hảo tâm giúp thêm vào cho chúng phật đạt xin tùy ý, Ngoài ra ngài nào giới thiệu cho được 10 người mua giả liền rồi, bản báo xin kính biểu riêng vị ấy cả năm không dám tính liền

Các bài lai cáo bản báo rất hoan nghinh ; bài nào

đăng được sẽ lần lượt đăng, mà xin viết rõ ràng và một mặt đề khỏi sai nhầm và tiện việc sắp chữ, những bài không thể đăng được, xin miễn giá lại bản thảo.

Vậy mong rằng qui vị mở lòng bõ-đề, nghĩ đến phong hóa ngày một xuy đồi, lòng người ngày càng rối loạn, thường thấy diễn ra trước công chúng biết bao nhiêu lần bi kịch : Con bất hiếu, vợ bất trinh, chồng bất nghĩa, anh em bất mục, cùng những sự gian tham lừa dối, hà hiếp xâu xé, tàn bạo khốc hại, làm cho loài người không hề được lúc nào yên, mà khuyên cho nhiều người đọc báo Đuốc - Tuệ, để biết đường tu thân, điu dắt cùng nhau bước lên con đường quang minh chính đại, thương yêu kính mến nhau, cùng chung hưởng cuộc hòa bình, thì những sự thảm khốc kia dần dần sẽ tiêu diệt hết, cái công đức ấy thật là vô lượng vô biên.

ĐUỐC - TUỆ

HỘI PHẬT-GIÁO ĐỐI VỚI
Võ-Hiền Hoàng-Tướng-Công



Ngày hôm mồng 1 tháng chạp ta vừa rồi, tại chùa Quán-sứ là hội-quán Trung ương hội Phật giáo Bắc-kỳ có cử hành một lễ rất long trọng để chúc cầu duyên thọ cho Cụ Võ-hiền Hoàng-trọng-Phu là danh dự hội trưởng và là chánh hưng công về việc làm chùa hội-quán của hội.

Ngày hôm ấy có tất cả 49 vị vừa đại đức vừa chư-lăng ở các sơn-môn về dự. Vào khoảng 4 giờ thì suốt trong nội điện và trước tam quan chùa Quán-sứ đã trưng dâng kết thái, trang hoàng một cách long lẫy khác thường. Khoảng 5 giờ

ruồi thì các nhà viên trong ban trị - sự Trung - ương cùng chư Tăng và các thiện nam tín-nữ lễ tự đóng đúc tại chùa. Ban trị-sự ủy sự cụ Tế-cát cùng ông Quản lý Lê-Dư thay mặt hội thân hành lên đón cụ Võ - Hoàng tại nơi biệt thự.

Đúng 6 giờ tối, cụ Võ đến chùa, có các quan khách theo đến rất đông.

Sau khi chào hỏi xong rồi, cụ chánh hội-trưởng Nguyễn-răng-Quốc cùng chư tăng mời cụ Võ-Hoàng vào trong đại điện làm lễ. Cụ Võ Hoàng bận lễ phục đen đứng kính cẩn ở trước Phật đài, đợi chư tăng tuyên sớ đảo cầu duyên thọ xong rồi lễ Phật lui ra.

Khi ra lối ngoài giảng đường, sự cụ Phúc-chỉnh đứng thay mặt ban hội và chư tăng trần thuyết mấy lời về việc làm lễ duyên thọ hôm nay và chúc mong cho cụ Võ được thọ kháo khang ninh để giúp vào công quả từ bi cho hội, nhất là về việc kiến tạo ngôi chùa hội quán nay mai.

Đáp lời sự cụ Phúc-chỉnh, cụ Võ đứng trước mặt đông đủ mọi người, tỏ ý rất là cảm động về lễ cầu duyên thọ hôm nay và cụ hứa lời quả quyết, xin hết sức hết lòng giúp hội Phật - giáo cho mau chóng được thực hiện ngôi chùa đồ sộ nguy nga để cùng đạt lời cái mục đích chấn hưng của hội.

Đoan rồi chư tăng mời cụ Võ ngồi vào khách vị ở giữa giảng đường 48 vị tăng ngồi hai rẫy bàn 2 bên tụng kinh Dược-sư. Phía ngoài giảng đường, có mười mấy lớp ghế dài kê theo với mười mấy lớp bàn cao có tới 40 vị cư-sĩ ăn bận lễ phục và hơn trăm vị tín-lão chia thứ tự ngồi, mở kính tụng liếp theo.

Mãi tới 7 giờ tối tụng xong bộ kinh Dược sư thì lễ cáo thành Cụ Võ ra về rất là tỏ ý hoan hân cảm động, và toàn hội đồng nhau ai nấy cũng đều ra về hoan hỉ vô cùng.

PHẬT-HỌC VĂN-ĐÁP

(tiếp theo)

Hỏi : Phật là thế nào ? Sự tích đức Phật Thích-ca thế nào ? - Nói đến Phật thì phần nhiều người tưởng cũng như ông Thào, ông Thánh : Oai linh hiển hách, hay là một bậc kỳ-dị, tự trên trời sai xuống để làm những việc phi thường, nhưng không phải, Phật cũng chỉ là người, hìng rạng cũng như người, duy Phật đủ 32 tướng tốt, là bởi tu hành lâu đời, đức hạnh đầy đủ, có cái trí-tuệ hơn người, cho nên gọi là giác-giả (覺者). Giác nghĩa là trí-giác, cảm-giác và giác-ngộ, phàm vật biết sự này sự khác, gọi là tri-giác (知覺); biết nóng biết lạnh, biết sướng biết khổ, gọi là cảm-giác (感—); biết trước trái sau phải, gọi là giác-ngộ (覺悟).

Người thường ngày nay cho thế này là phải, ngày mai thấy thế, lại cho là trái, sự đáng vui thì cho là khổ, đáng khổ lại lấy làm vui, điên điên, đảo đảo, mê mê, hoặc hoặc, như thế gọi là « Thác-giác 錯覺 » tức là biểu lăm. Phật thì không thế : muốn sự muộn vật, kiến thức xác đáng, không có điên-đảo, mê-hoặc, cho nên mới tôn là chính-giác (正覺) các nhà triết-học, mỗi nhà nghiên cứu về một phương diện, như nhà Địa-lý nghiên cứu như thế là đúng, nhưng nhà kia xét về phương diện Thiên-văn, lại bảo như thế là không đúng, nhiều khi tranh biện, xung đột. Phật thì không thế : các phương diện đều hiểu thấu và so sánh đúng nhau cả, cho nên tôn là Biện-chính-giác (徧正—).

Tu đến bậc la-bán, hay tịch-chi-Phật, đều gọi là Độc-giác-Phật (獨—), nghĩa là mới tự biết lấy một mình mà thôi, chứ chưa có công đức giác-ngộ chúng-sinh, bậc Bồ-tát đã có công-đức giác-ngộ chúng-sinh, nhưng chưa thật đầy đủ, duy có Phật mới thật là đầy đủ mà thôi, và cũng không còn bậc nào cao hơn nữa, cho nên mới tôn là Vô-thượng-biến-chính-giác (無上徧正覺).

Thập-phương chư Phật rất nhiều, nhưng vị đã qua, gọi là quá-khứ-Phật (過去佛), như các vị A-di-dà-Phật, quang-minh được sư Phật v.v..) hiện đương làm đạo sư Sa-bà thế-giới này, gọi là Hiện-tại-Phật (現在佛), tức là đức Thích-ca mâu ny Phật. Sau này sẽ thay đức Thích-ca làm đạo-sư, gọi là vị-lai-Phật (未來佛), như lời đức Thích-ca thụ kí, tức là đức A-di-Lặc.

Nay hăng kể qua sự tích đức Phật Thích-ca-mâu-ny 釋迦牟尼 như sau này, vì ngài đương làm đạo-sư của chúng ta, thì chúng ta cần phải biết rõ trước :

Đức Thích ca đã tu muôn ức kiếp, đã đến bậc Bồ-tát. Khoảng 2950 nay, giáng sinh tại trung-ấn-độ, thân phụ là ông Tịnh-phạm-vương, thân mẫu là bà Ma-gia-phu-nhân, thân nhỏ là Hoàng tử Tất-đạt-đa, vì có đạo cốt, vốn chí xuất gia, nhưng vì phụ vương không cho vì nỗi chưa có người nối ngôi vua cho nên ngài phải tuân mệnh, năm 17 tuổi lấy Ra-ru-phu-nhân, năm 19 tuổi sinh con là La-hầu-la, thế là đã có người nối ngôi, đã thỏa lòng phụ-vương, ngài bèn trốn vào rừng khổ hạnh tìm thầy học-đạo, bởi vì thấy nhân-gian sinh, lão, bệnh, tử, đều là khổ cả, muốn tìm đạo giải thoát (解脫), nghĩa là tránh khỏi sự luân hồi sinh tử nhưng thời đại bấy giờ đạo Bà-la-môn đương thịnh hành, tu hành khổ hạnh, như cách tu tiên, để cầu tràng-sinh. Đức Thích-ca vào núi Tuyết-sơn và đi khắp mọi nơi tìm thầy, đến đâu cũng đạo tu tiên cả. Ngài tự nghĩ tu tiên là cách tu vị kỷ, chỉ cầu tràng-sinh cho lấy một mình, mà vị kỷ thì còn có công đức gì mà cầu giải thoát được. Ngài bèn ngồi gốc cây bồ đề mà tự tu tự chứng lấy, đến năm 30 tuổi thì thốt nhiên đắc đạo, nghĩa là tìm được con đường giải thoát, phải theo 2 pháp môn là Tứ-thánh-đế (四聖諦) hay là Thập-nhị-nhân-duyên (十二因緣) là con đường chính-giác vậy.

Sau khi đắc đạo, chu du bốn phương tùy cơ thuyết

pháp giác ngộ chúng sinh, đến 80 tuổi thì ngài vào Nát-bán. Đồ đệ nhớ thầy, khắc tượng đề thờ, sau này thiên hạ làm chùa tó tượng đều là đề kỷ niệm công đức của ngài vậy.

(còn nữa)

Phượng-sơn : Nguyễn-thiện Chính.

Cuộc khánh thành ba chi hội Phật-giáo Quần-phương

Theo lời Cụ Chánh Hội-trưởng, 7 giờ sáng ngày 26 tháng 12 năm 1937 (24 tháng 11 ta) ban phái bộ Trung-ương hội Phật-giáo Hanoi xuống huyện Hải-bạ. Nam-dịnh, chứng lễ khánh thành của ba chi hội tại ba làng Quần-phương trung, Quần - phương thượng và đông, và Phương đê. Phái bộ đi có Hòa - thượng Tế - cát, sư cụ Cồn, ông Thủ quỹ Lê - Toại, ông Nguyễn-trọng-Thuật. Qua đó Quan Nam-dịnh đón vị Chánh Đại-lý chi hội tỉnh ấy là Cụ Thượng Phan-dình-Hòe đi làm chủ-ọa.

Theo lần-lượt đường đi. Bắt đầu đến làng Quần-phương Trung. Ban Trị-sự Chi-hội ở đấy ra đón tự đầu làng, hoan nghênh rất long trọng.

Chánh Đại lý Chi-hội Phật-giáo Quần-phương trung là cụ Cử-nhân Trần-Thuyên, Phó Đại lý là Cụ Tú Nguyễn-khắc-Tuân. Trụ trì tăng là Đoàn-thanh-Dụng. Tới chùa hội-quán là chùa Phúc sơn. Cảnh chùa sáng khải kiến chúc từ Lê hồng Thuận, làm lối chữ hồi (回) Tiền đường ở trước, hai hành lang hai bên, nhà tổ ở sau đều liền nhau và thông nhau như khung chữ hồi mà gác chuông ở giữa thành chữ khẩu. Hội-viên và giáo hữu thập phương đến dự lễ đông lắm. Sư ông

Trí hải là người làng, cháu gọi sư cụ trụ trì là chú lại gia, nên khi Phái-bộ đến chùa đã thấy sư ông ra đón chào, vì sư ông ở Tàu mới về nhân về thăm gia-hương. Hỏi ra mấy làng Quần phương đây hiện nay có tới ngót 1000 vị tăng ni người làng từ thượng-tọa đến thanh niên, trụ trì trong hạt Bắc kỳ, đó cũng là một sự lạ. Mà trước kia người làng này đi xuất-gia đã nhiều, có vị nổi tiếng danh tăng trong xứ Bắc kỳ như Cụ Tô Tế-xuyêu cũng về họ nhà sư ông Trí-hải.

Đứng trước giảng đường trông thấy những câu đối giãan cột, chữ nho giấy đỏ mà toàn là những câu nghĩa mới ý hay cả, chúng tôi bàng hoàng như đứng ở trong hoàn cảnh lúc nho học thịnh thời. Coi đó biết cái nếp văn vật cũ của làng Quần phương, biết thâm ý chấn hưng Phật giáo của Cụ Cử Thuyên Chánh Đại-lý và ban Trị-sự ở đây. Lại một bài sớ chữ nho cúng Phật và tỏ lòng chấn hưng đạo Phật sẽ chép theo với câu đối sau này. Đây xin dẫn một đôi câu đối làm thí dụ :

└ 古以來地球民族所生存, 國作中
必先宗教.

*Cổ dĩ lai địa cầu dân-tộc sở sinh tồn, đoàn thể trung
tất tiên tôn giáo.*

客有問佛道振興真目的, 形識上
注重精神.

*Khách hữu vấn Phật đạo chấn hưng chân mục - đích,
hình thức thượng chú trọng tinh-thần.*

Nghĩa là : Xưa nay các dân tộc sinh - tồn ở mặt địa-cầu, trong mỗi đoàn thể đều phải lấy tôn-giáo làm việc trước. Vậy ai cá hỏi mục đích chấn-hưng của hội Chấn-hưng đạo Phật thì xin thưa là chúng tôi chú trọng về phần tinh-thần ở trên phần hình thức.

Lễ Phật và giải-tọa xong, hai ban đồng ấu đọc bài ca

chức mừng lễ khánh-thành Chi-hội. Chi hội đọc một bài chúc từ. Đoạn cụ Thượng Phan đứng lên lấy nghĩa tinh-tiến dưng mãnh của nhà Phật khuyên chi-hội và Ngải lại khuyên chi-hội nên lưu tâm giúp vào việc lăng bực công việc làm chùa Hội quán Trung-ương. Ông cư sĩ Đồ nam tử tiếp nói về chủ-nghĩa giải thoát quần chúng của đạo Phật. Giáo hữu đều hoan hỉ. 12 giờ Chi hội mời Phái bộ thụ trai tại chùa.

Thụ trai vừa xong thì chi hội Quận-phương xã thượng và xã đông đã lên đón phái bộ, xe lại đi theo đường gĩa bờ một con sông nhỏ luôn từ khi qua cửa huyện Hải hậu vào. Con sông này từ sông cái vị hoàng phân chi vào, đi thông tâm qua giữa các xã Quận phương, gĩa sông là đường lớn, ô-tô đi được, làng ở hai bên, làng nọ đến làng kia tiếp sát-nhau như một, mỗi quãng lại có một cái cầu bắc để hai bên làng giao thông cho tiện những cầu ấy thuộc về các giáp trong các làng bắc. nên gọi là cầu giáp nhất cầu giáp nhì cho đến cầu giáp mười cầu giáp mười một v v Kiểu cầu phần nhiều làm bằng đá mà bắc lối cầu vòng rõ cao cho thuyền lớn chui qua được. Cũng có cầu xây gạch và cầu lối thượng gia hạ trị.

Mấy làng quần phương đây mới sáng lập từ đời Lê Thái tông Khoảng năm Thuận thiên và Hồng thuận, bắt đầu do mấy nhà học vấn đến khai hoang cái bãi bờ mới bồi này mà lập nên một xã gọi là xã Quận anh 羣英, nghĩa là một bọn anh tú hợp lại, đến bản Triều ị húy nhà vua mới đổi là Quận phương, nghĩa là những hoa thơm. Sau khi xã Quận anh thành lập, người ta đến khai khẩn thêm mãi ra mà thành một đồng mấy xã Quận phương như bây giờ. Bây giờ các làng đều có đền thờ các vị sáng lập ấy.

Nhờ được đất mới bồi nhiều mẫu, lại có nhiều sông ngòi trảng chít, thành ra thủy hậu vô tai, nên sự sinh tụ tróng phát đạt. Lại nhờ ở các nhà khai sáng có trí thức

nên sự khu hoạch dân cư có qui củ phong lâm, mỗi quãng đường có một cái chợ. chợ thì họp chuyên một lúc sáng sớm, chợ thì họp chuyên một buổi trưa để mua ăn. Chợ thì có phiên để giao dịch. Mỗi quãng bờ sông thuộc mỗi giáp có đặt một đoạn những bậc đá để rửa ráy.

Các làng Quần phương đều to, nên chia làm nhiều phe (giáp). mỗi phe có một cái đình, chỉ để hội họp yên ấm mà thôi. Trong làng có nhiều nhà ngói nhà hai tầng, gia đường có nhiều cửa hàng tạp hóa, hiệu to hai tầng, còn các nhà gianh nhỏ coi ra cũng chỉnh đốn lắm, nên cao, trát vôi.

Số ruộng ngày một thu vào tay các nhà điền chủ mà dân sinh sản ngày thêm đông, số lao dân vô sản ngày càng nhiều, người ta phải tìm thêm nhiều kỹ nghệ để bổ chợ vào chỗ đó. Cho nên vùng Quần phương có nhiều nghề. Nghề dệt vải lụa Quần anh, tốt có tiếng. Lại nghề nhuộm thâm, chạy theo dọc bờ sông mấy cây số giồng thuần cây bàng để lấy lá làm thuốc nhuộm. Làng lại có nghề thợ nề, nhiều người làm. Tóm lại thì Quần phương là một vùng phong túc trù mật và văn vật từ xưa. Nhưng hiện nay cảnh sắc cũng vẫn còn thịnh vượng.

Hội quán hai xã Quần phương thượng, đông lập tại chùa Phúc lâm, dễ qua một cái chợ lớn sạch sẽ tức là chợ phiên bán vải lụa xuất sản của làng, quanh chợ đầy những đình miếu nguy nga. Vào tới chùa Phúc-lâm, chùa lớn hơn chùa Phúc sơn. Hội viên và giáo hữu đông đúc hơn chi hội trên. Có cụ Đề đốc trí sĩ, ông hội viên Nguyễn ngọc - Uyển làm chánh đại lý, ông Trần duy Văn biểu Nhân văn đình làm Phó đại lý và ban Trị sự ra đôn phái bộ vào Phật điện đình lễ rồi phái bộ theo lời mới xuống nhà thờ giải tọa. Chùa này cũng kiểu chữ « hồi 卍 » như chùa Phúc sơn.

Hai ban đồng-sinh nam-nữ đọc bài ca mừng, kể đến

sư cụ bản tự là Vũ-thanh-Quán đọc một bài chúc từ, chi hội đọc một bài ca mừng, rồi ông Nhân văn Đình tiếp đọc bài diển văn, được công chúng hoan-ngheh. Cụ Thượng Phan lấy nghĩa tinh tiến là khó khuyến khích chi hội, đoạn vị cư sĩ trung ương thuyết pháp về luân lý tứ ân, Tăng tục cùng một nghĩa vụ. Vì ít thì giờ nên cuộc diển giảng vừa xong thì chi-hội làng Phương đề đi sang đón. Phải bộ liền từ giả về sang chi-hội Phương đề. Cũng cứ theo đường gìa sông đi qua làng Quần phương thượng thì tiếp liền đến Phương đề. Hội quán chi hội này lập tại chùa Phú hải, Chánh Đại lý là Cụ Tú Phan khắc Cương, Trụ trì làng là vị Nguyễn thanh Cần. Chùa này cũng kiểu chữ « hồi », lịch sử làng và kiến trúc chùa cũng vào hồi Lê Hồng thuận như các xã Quần phương.

Tới chùa, ông Chánh hội, lệnh làng Cụ Tú Chánh Đại lý đọc bài chúc từ, hai ban đồng nam đồng nữ hát bài ca mừng. Ba chi hội đây đều có bài ca mới và riêng cho đồng sinh hát mừng lễ khánh thành mà bài nào cũng hay. Đồng sinh đều 11, 12 tuổi trở xuống. Quần phương trung thì gái khăn vàng áo vàng gái áo lụa nâu, rộng tay; Quần phương Thượng và đông thì gái đều mặc áo đỏ đội cái kiêu bằng đồng trạm eo như các công chúa cổ thời; Phương đề thì gái đều áo thâm đội mũ nởi thêu hiệu hoa sen kim tuyến. Xem ra ba chi hội này đều có công chính sửa việc lập hội, chắc sau này việc hoằng pháp sẽ cũng xuất sắc. Cụ lớn Phan dẫn lịch sử đạo Phật ở bản hạt như Tổ Minh-không đời Lý, các Tổ đời Trần đều sản ở bản hạt đề khuyến lộ.

Bấy giờ đã gần 5 giờ nhưng ông Chánh hội xin mời vị cư sĩ trung ương thuyết pháp lại luân lý tứ ân cho giáo hữu chi hội được biết sự tu Phật có biết thực với nhân sinh. Cụ Tú Chánh Đại lý tuy đã cao niên mà xem ra Cụ còn tinh tiến về việc giáo hóa cho

con em trong làng mạc lắm.

Như thế là cùng một đồng quần phương trước là một xã đã lập chi hội 1. tại chùa qui hồn (chùa cõn) ở xã hạ hạ thôn, 2. chùa anh quang xã quần phương hạ, 3. chùa Nam anh quần phương nam, nay đến thứ 4. chùa Phúc-sơn quần phương trung, 5. chùa phúc lâm xã quần phương thượng và đông, 6. chùa phúc hải xã phương đê, còn ở tứ trung nam cũng đã tổ chức thành rồi, chùa Hạ trại thì dân đình có bao nhiêu suất theo đạo Phật đều vào chủ trì hội viên cả, còn đều vào là thiện tín cả, năm ngoài cũng đã lập thành ngôi chùa mới nhưng các hội viên đều thuộc vào chi Lợi chùa cõn, còn chùa hạ trại thì cũng thành một nơi giảng đường hết thầy các con em trong làng đến học kinh Phật cả. Vậy tất cả xã Quần-phương mà có tới 7, 8 chi hội, xem thế thì biết là nhân dân đối với Phật-giáo tốt xấu biết chừng nào. Vậy giá khắp xứ Bắc-kỳ làng xã nào cũng như làng Quần phương thì có lo gì Phật-giáo không phổ thông, đúng 5 giờ phải hộ trở về Hanoi.

DUỐC - TUỆ

BÀI CHÚC TỪ CỦA CHI HỘI CHÙA PHÚC-SƠN xã Quần-phương-Trung Hải-hạ Nam-định

A-di-dà Phật,

Kính bần Cụ Lớn và các ngài ở Trung-wong,

Kính bạch chư đại đức,

Thưa các giáo hữu,

Hôm nay là ngày lễ thành lập chi hội Phật-giáo ở đây. trên nhờ được Cụ Lớn và các ngài không tiếc thì giờ vàng ngọc. chúng uê đường xá xa xôi tới dự lễ chứng kiến cho, thật lòng chúng tôi lấy làm cảm kích hoan hỉ vô cùng.

Vậy chúng tôi có mấy lời kính chúc các ngài, và bày tỏ

ý kiến của chúng tôi đối với hội Phật-giáo.

Thưa các ngài :

Đương cơn cõi trần mù mịt, bề khổ mông mênh, trên đờng nhân nghĩa vắng tanh, giữa chốn lợi danh chen chúc, con ma vật dục nó làm cho lòng người điên đảo đảo điên, dễ đến nổi phong hóa suy đồi, luân thường rối loạn, trông lên đàn hạnh lá nọ, chỉ còn lơ thơ mấy chiếc lá vàng, ngó vào cửa Thích rừng thuyên ít thấy tuyến dương diệu pháp.

Nghĩ đến xưa kia cũng non sông đất nước này, nay vẫn giang sơn chủng tộc này, mà phong hóa so với xưa kia xa cách biết chừng nào ! Trông thấy nhân tâm thế đạo ngày một suy vi, ai là người có lòng hoài bão mà không xót dạ chau mày, ngậm ngùi than thở, tìm phương chấn chỉnh, nghĩ lối duy trì, song hiềm vì một cây làm chẳng lên rừng, phải chịu bỏ tay ngời ngó mong đợi thời cơ. May sao thời tiết nhân duyên hội ngộ, trên nhờ Phật tổ không phò, dưới được các ngài hết sức ra tay chấn chỉnh, lại nhờ được chính phủ bảo hộ cho phép dựng thành hội Phật để cứu vãn làn sóng suy đồi, khai tỉnh lòng người mê mông, đương đêm chơ vơ chưa biết vào đâu, bèn đem ngọn đuốc quang minh tới, diu dắt cùng nhau bước lên con đường chính đại, thật không khác chi những kẻ nhăm đường, xịch thấy có người chỉ bảo cho biết quê hương, nổi mừng khôn xiết, hiện nay chúng tôi cũng thế, không những mừng riêng cho chúng tôi có nơi nương tựa mà mừng chung cho cả đất nước Việt-nam, giống nòi hồng lạc, từ nay đã có người dẫn đường chỉ lối, có cơ chấn chỉnh phong hóa, có đoàn thể duy trì Phật pháp, có phương pháp tuyên truyền giáo lý của Phật dạy. Vậy nếu ai nấy cùng dốc một lòng trong một đạo hòa hợp cùng nhau bỏ hết tính tự tư tự lợi, có của bỏ của, có công xuất công; hiệp lực đồng tâm, lo việc chấn-bưng Phật-giáo theo đúng như giáo lý của đạo Phật, bỏ hết những sự xa xỉ vô ích, chỉ nên làm những điều phúc thiện thì chắc

không bao lâu Phật giáo xứ ta lại được hưng thịnh như xưa, không nói đâu xa ngay trong một tổng Quần-phương đây, trước kia là một xã mà đã có tới 4, 5 chi hội thành lập rồi, hôm nay lại có luôn 3 chi hội thành lập nữa, như thế là trong một xã Quần-phương trước, từ nay đã có 6, 7 chi hội rồi. Chúng tôi lại nhớ lại hội Phật-giáo thành lập tới nay mới già 3 năm mà đã có tới 7.8 mươi chi hội, số hội viên có hàng vạn rồi. Xem thế thì biết là nhân dân ta đối với Phật giáo hăm mộ biết chừng nào. Hôm nay chúng tôi được cái hân hạnh nghinh tiếp các ngài đây xin mong rằng các ngài mở lòng từ bi chí xả, chỉ giáo cho chúng tôi những điều mà chúng tôi chưa biết, để mong theo chân nối gót các ngài lo việc chấn hưng Phật-giáo, mong sao cho chúng đạt tới mục-đích của hội thì công đức thật là vô lượng, vô biên. Vậy xin các giáo-hữu cùng các thiện nam tín nữ lắng lắng ngời im mà để nghe những lời vàng ngọc của các vị trung-ương chỉ giáo.

Nam mô bản-sư Thích ca mâu-ni Phật

Kính chúc Phật-giáo hội vô lượng thọ

BÀI CHỨC TỪ CỦA CHI HỘI CHÙA PHÚC-HẢI làng Phương Đề (Hải-hậu Nam-định)

NAM - MÔ A - DI - ĐÀ PHẬT

Kính bần cụ lớn,

Bạch chư đại đức,

Thưa các giáo-hữu,

Ngày nay là ngày lễ Khánh-thành chi hội chùa Phúc Hải đây.

Đại diện cụ lớn Chánh hội trưởng Nguyễn-tướng-Công cùng các quan, các cao tăng ở Trung-ương về dự lễ thực là thêm vẻ vang cho chi hội và lại là một ngày đáng nêu kỷ niệm cho hội chúng tôi đây.

Làng Phương-dê chúng tôi cổ thời là một xứ hải-trần. Năm Thuận thiên triều Lê các liệt Tồ khai cơ kiến ấp đến năm Hồng thuận mới thành xã hội là Kim đê thuộc Huyện Nam-châu tức là Sơn nam hạ tẩn, đời vua Gia-long Bản triều lại đổi là Phương-dê thuộc Huyện Chân-ninh, đến năm vua Thành thái thứ 3 mới thuộc về Huyện Hải hậu. Làng có 7 giáp, 6 giáp toàn lương dân, cùng chung một ngôi chùa Phúc-hải này, chùa khởi dựng từ đời vua Vĩnh to thứ 6 đời Lê, sau tu bổ thêm mãi vào, mới có cái quy mô vĩ đại như bây giờ. Thông tính đã được hơn 500 năm nay, thực cũng là một nơi danh lam cổ tích trong hạt này.

Năm vua Bảo-đại thứ 11, chúng tôi tuân điều lệ trung-ương tuyên bố ra đem hiến các đồng bào, tổ chức chi hội ở chùa này, đến năm nay mới được Trung-ương duyệt y cho phép thành lập. Tuy cũng là nhân lực, nhưng thực cũng là trên nhờ có Phật tử chứng minh tế độ cho mới chóng được cái cơ hội như ngày nay vậy.

Chúng tôi thiết tưởng việc chấn hưng Phật-giáo ở chốn dân gian này, bên xuất gia, và bên tại gia đều phải đồng tâm hiệp lực thì việc mới có kết quả được.

Nghĩa là bên xuất gia đi ở chùa trước kia hay chia môn rẽ phái, không có nhất tâm xu hướng vào một nơi, mong nay nên nhất tâm xu hướng không phái nào biệt với phái nào, mà các vị tăng hay ny ấy ở chùa nào phải hết sức trì giới cho đáng bậc chân tu.

Còn bên tại gia mà đã gọi là theo đạo Phật, trước kia một tháng chỉ độ 1, 2 lần lên lễ chùa hay 2, 3 tháng mới có một lần, còn kinh kệ đạo pháp không có ai lưu tâm đến. Mong bây giờ trong một nhà trẻ già lớn nhỏ ai ai cũng phải nguyện tu trì, ai ai cũng tụng kinh niệm Phật, chắc là máy hiển mưa pháp thâm nhiệm mới vào hết bấy đều là đệ tử Phật cả, thì ai nấy đều có Phật tâm, thì ai ai cũng là hiền thảo luân thường đạo lý, cách tu thân cách xử thế, không kiếm

khuyết nhẽ gì, hẳn là không bị làm bại ai không ai thích bác ai. Trong một nhà ai cũng từ bi bác ái, trong một làng ai cũng từ bi bác ái, suy ra trong một nước ai ai cũng từ bi bác ái cả.

Thế là nhà thái bình làng và nước đều thái bình cả đó, tức là Phật ở trong nhà ta đó, Phật ở trong làng, trong nước ta đó, mà Phật ở trong tâm ta đó.

Trước khi Phật giáo nhờ Nho giáo mà tuyên bá ra nay bây giờ nhà Nho giáo lại như Phật giáo mà bảo tồn lại để khỏi phụ cái tiếng Nam bang vẫn hiển. Vậy thì việc chấn hưng Phật-giáo chẳng phải là hạnh phúc cho cả đồng bào toàn quốc lắm ư

Sau đây chúng tôi thiết tưởng công việc của chi Hội chúng tôi đã làm đây thật là chưa lấy gì làm đầy đủ, cũng như làm nhà trước phải đắp cái nền, giồng cây trước phải ương cái hạt, ấy công việc làm đây, cũng vì như là cái nền nhà, cái cột cây vậy. Nhưng có nền thì nhà mới có thể làm to, có hạt thì mới có thể giồng nên giống. Chúng tôi nguyện xin cử động, truyền bá cho rộng, thì hành thế nào cho không chướng ngại, mong sao cho nhân tâm thường được cổ kết, mong sao cho ai ai cũng hồi tâm hướng đạo vào hội cho đông, thì hội mới đứng vững lâu dài, phúc như đồng hải, đều cùng hưởng chung cho khỏi phụ chi hội phúc hải vậy.

Mong nhờ tam bảo chứng minh, thêm tuệ chất cho, thêm nghị lực cho, để cố sức tiến hành cho tới mục đích.

Nam mô A-di-đà Phật.

BÀI CA KHÁNH-THÀNH CHI HỘI PHÚC-LÂM CỦA NAM ĐỒNG-ẤU

Vua Bảo-đại mùa đông năm Sửu,
Hội chấn hưng Phật-giáo chùa Lương. (1)

(1) Chùa Phúc-lâm tục gọi là chùa Lương.

Thượng, Đông hai xã Quần phương,
 Nhất tâm lễ-chức một chương khánh thành,
 Nào những bậc công khanh văn vũ,
 Nào sĩ, nông, công, cõ từ dân,
 Tổ linh chứng-kiến án-cà-i,
 Dầu xã bốn bề, nhung thân một nhà.
 Ngừa Tác-úi nay đã cõ-kết,
 Tham, sản, sĩ, bỏ hết độc nguyên.
 Chứng-minh đã có Phật tiền,
 Chúng tôi Đồng-ấu chúc nên ba bài.
 Ban Đồng ấu chúng tôi một chúc,
 Pháp hòa Nam hưởng phúc ung-hi,
 Na-mô quảng đại từ bi,
 Đễ-huê cõng lác duy-tri cõ đời.
 Ban Đồng ấu chúng tôi hai chúc,
 Hội Trung-ương đồng đức lâu bền
 Na mô thường trụ phả-hiền,
 Diển câu diệu nghĩa làm thiên cứu đời,
 Ban Đồng-ấu chúng tôi ba chúc,
 Chỉ hội ta bền tục bền tăng,
 Na-mô tri-luệ viên-hoảng,
 Vườn chỉ duyệt cũ, sông Hằng phúc nay.
 Rằng trăm năm cũng từ đây !

CỬA NỮ ĐỒNG - ẬU

Chân-hưng Phật-giáo,
 Bưởi văn-minh tìm lấy đạo từ-bi,
 Vì nhân làm thể tục duy-tri
 Mà thân, sĩ, với tăng, ni cùng giững giã.
 Chùa Quán sĩ Trung-ương xừ cả,
 Chỉ Phúc lâm hai xã Thượng, Đông.
 Lễ khánh-thành năm Đinh-sử ngày 24 tháng trọng-đồng.
 Các cụ lớn, các danh-sĩ, các cao-lãng cùng chứng kiến,
 Đồng-ấu chúng tôi là bọn quần thoa tán tiến,

Cái đầu xin dâng nên tâm-hương.

Chức câu « Vạn thọ vô cương »...

Phó Đại-lý

Nhân-vân-dinh : Trần duy-Võ soạn

VIỆT-NAM THIÊN-TÔNG THẾ-HỆ

(liếp theo)

BỜI THỨ MƯỜI BA

Có năm người nhưng khuyết lục mất ba người

1. -- Thông-sư Cư sĩ 通師居士

Thông sư Cư-sĩ quê ở Ốc-hương 屋鄉, An-la, giống nhà họ Đặng. Ban đầu Cư-sĩ cùng với Quách-thần-Nghi Thiệu-sư chùa Thăng-quang cùng thờ Thường-triều Thiên-sư làm thầy.

Một hôm ngồi hầu thầy trong phòng, Cư-sĩ hỏi rằng :

- Thế nào là giác liễu Phật-pháp ?

Thiên-sư Thường-triều đáp :

- (佛法不可覺, 了此寧覺法, 諸佛如是修, 一切法不可得). Phật-pháp không thể hiểu hết được, nếu liễu được nghĩa ấy thì dùng câu pháp nào cũng hiểu hết. Phải biết cách tu của Chư Phật đều theo như nghĩa này : « Hết thấy mọi pháp không thể nói là sở-dắc về một pháp nào ».

Thông sư Cư sĩ nghe lời dạy ấy thì lữu-hội được diệu-chỉ ngay. Người liền trở về cố-hương, học giả đến học lũ lượt đông lắm. Phạm ai có hỏi gì, Người đều jãy nghĩa làm ứn mà truyền cho. Có một người học trò hỏi Thông-sư rằng :

- Thế nào là người Xuất-thế ?

Thông-sư đáp :

- Ông không thấy cổ-nhân đã nói đó ư ? Cổ nhân nói : Ngũ uân đều là « không », mà tứ-đại cũng chẳng có cái

gi là cái của ta. Vì rằng chân tâm nó không có tướng nó vô khứ mà cũng vô-lai, bản tính của nó chẳng phải khi ta sinh ra nó mới bắt đầu có và khi chết thì nó liền tiêu-diệt hết đâu. Nó chạm-nhiên viên-tịch 湛然圓寂. tâm với cảnh là một như nhau. Hễ hiểu được một cách trực triệť như thế thì không bị cuộc tam-thế nó giam-cầm, tiền thị là người xuất-thế đó. Vậy thế nào cũng không được có một li một tý ý-hướng nào khác.

Người ấy lại hỏi :

— Thế nào là nghĩa vô-sinh ?

Thông-sư nói :

-- Phải phân tích bản tính của ngũ-uẩn nó vốn là không tịch. Vì nó không-tịch nên không thể nào diệt được nó. Ấy thế là nghĩa vô-sinh.

Người ấy lại hỏi :

-- Thế nào là lý vô-sinh ?

Thông-sư dạy :

— Có điều-hòa ngũ-uẩn mới hiểu rõ được bản tính nó là không. Không thì chẳng thể nào diệt được, ấy thế là lý vô-sinh.

Vị tăng ấy lại hỏi :

— Thế nào là Phật ?

Thông-sư nói :

— Bản-tâm là Phật. Cho nên Tổ Tam-tang Huyền-trang nhà Đường dạy rằng : (但了心地。故號總持。悟法無生。名爲妙覺). Chỉ biểu tới một nơi tâm địa là đủ, bởi vậy mới gọi nơi tâm địa ấy là Tổng-trì, nghĩa là nó chủ-trì hết thảy.

Đến năm Kiến-trung thứ tư nhà Lý, Mậu-tuất, tháng bảy, Thông-sư Cư sĩ thị tịch. Phật-pháp Việt-nam ở đời Lý-trần, các Cư sĩ cũng cùng Tăng chúng chịu chung cái gánh truyền thụ tâm ấn mà Bồ Thông sư Cư-sĩ là bắt đầu. Cõi độ biết Phật pháp lúc ấy hoạt bát viên thông là dương nào thực là không phân tịnh nhiễm, không nề tăng tục, không như cái lối môn hộ quyền lợi đời sau,

một lấy hiệu đạo tức là đác đạo, đác đạo thì truyền đạo.
Đạo pháp vốn một tăng tục không hai. Phật chúng phải
đâu riêng ai chuyên nghiệp Phật pháp đời Lý Trần số đĩ
hưng vượng, thế vận thăng bình há phải là sự ngẫu nhiên,
(còn nữa)

D. N. T.

VĂN UYÊN

Văn cúng giải ách đầu năm

(HÀ I V Ặ N)

Chúng tôi thấy mỗi khi đầu năm, nhiều nhà có cúng
dâng sao, dâng sao xong thì cúng giải ách, đề ầu giải
những cái tai-ách mà người ta sẽ bất kỳ gặp phải. Song
xem trong văn cúng đó là giải-ách cho cá nhân và chỉ
hàng vào tha lực, nghĩa là nhờ sức quý thần giải-
ách cho. Nay chúng tôi cũng phóng chép lối văn ấy
để hiễn đọc giả đọc chơi năm mới cho vui. Nhưng
chúng tôi giải ách cho khắp công chúng xã hội hoản-
cần mà giải những tai ách đã hiện có và toàn bằng vào
tự-lực, nghĩa là ở sức của xã hội tự giải ách cho. Nếu
ai mê tín mà giải ách theo phép chúng tôi, thì làm
đến đâu tất thấy linh ứng ngay đến đấy. Văn rằng .

Phục dĩ :

Ngày nay thế-giới, cực diêm văn minh.

Củ vì cạnh-tranh, nên nhiều tai-ách.

Thần lợi quyền hống hách, ma vật chất dễ đánh.

Khiến cho : Các nước hoản-doanh, quần-chúng xã-hội.

Gây nên tội lỗi, tai vạ bởi bởi ;

Vì lòng bác ái, thân viên Đuốc tuệ bảo nhau, nhân
buổi xuân thiên, thiết lập pháp-đàn giải-ách.

Nào bởi đầu trời, tự người tác-nghiệt.

Soi gương tây liếp, ruột sót lòng đau

Tòa soạn quét sạch bầy biện lễ nghi :

Bút sắt bút tri, mực đen giấy trắng.

Phụng thỉnh; xã-hội nhân-dân chứng-minh giải
ách một thiên.

Kim đối dân tiền, sở hữu nhất thiết tai-ách kim
đương thỉnh giải.

1 - Hoặc ngộ tranh quyền cướp nước, phân giống chia
loài, chỗ sừng như trời, chỗ như địa ngục chi ách, kim nhật kim thi, học Phật bình-dẳng, kim đương thỉnh giải.

2 - Hoặc ngộ tàu bay bom nặng, tàu lặn ngư-lôi
tranh chiến vô hồi, thớt bay máu lụt chi ách, kim nhật
kim thi, học Phật từ-bi, kim đương thỉnh giải.

3 - Hoặc ngộ Ban nha nội loạn, rước voi rầy mớ,
anh em Nhật Hoa, chém nhau bằng lưỡi chi ách, kim
nhật kim thi, dễ-huê nhân nhượng, kim đương thỉnh giải.

4 - Hoặc ngộ kinh tế khủng hoảng, bán lỗ buôn
thua, tan nát cơ đồ vợ con nheo nhóc chi ách, kim
nhật kim thi tình tiến dũng mãnh, kim đương thỉnh giải.

5 - Hoặc ngộ vô sản thất nghiệp, không có việc làm,
thất thểu lang thang, bụng đói, cắt rét chi ách, kim nhật
kim thi, theo xã-đội hóa, kim đương thỉnh giải.

6 - Hoặc ngộ năm năm nước lụt, lúa mất nhà trôi,
biết bắt đền ai, rũ nhau xin chẵn, kim nhật kim thi,
khai nhiều kênh cống kim đương thỉnh giải.

7 - Hoặc ngộ lại nhúng quan tham, hào lý một
kheét, làm nhiều oan nghiệt, chẳng qua vì tiền tri ách,
kim nhật kim thi, dân nên học luật, kim đương thỉnh giải.

8 - Hoặc ngộ văn-minh ngoài võ, tự-do ngộng-cuồng,
làn nước Hồ Gươm, là mớ bạc mệnh chi ách, kim nhật
kim thi, kiên nhẫn phấn đấu, kim đương thỉnh giải.

9 - Hoặc ngộ cờ bạc thuốc sai, sọa liêu triển miên,
trón sống thanh niên, thiết nhà thiết nước chi ách, kim nhật
kim thi, tận trọng gia đình giáo dục, kim đương thỉnh giải.

10 - Hoặc ngộ t.ất giáo thất học, dốt nát u mê, rút
rút vụng về, đành thân trâu ngựa chi ách, kim nhật

kim thì, lập nhiều trường học, kim đương thịnh giải.

11 — Hoặc ngộ tranh sỏi tranh thịt, tranh góc chiếu đình, tranh cái hư danh, phao thuốc phiện lậu chi ách, kim nhật kim thì, hương âm giải phóng, kim đương thịnh giải.

12 — Hoặc ngộ tục làng bó buộc, lệ nặng ma to, búi sẵn khuyến gia, dề giả nợ miệng chi ách, kim nhật kim thì, tự do bỏ làng, kim đương thịnh giải.

13 — Hoặc ngộ mê tín hủ tục, lý số bói bùa, phỏng đoán mơ hồ, ngẩn trở liến hóa chi ách, kim nhật kim thì, tin ngưỡng khoa học, kim đương thịnh giải.

14 — Hoặc ngộ xa nơi thành thị, nhiều kẻ ốm đau, không cháo không rau, không thầy không thuốc chi ách, kim nhật kim thì, mở nhiều bệnh viện, kim đương thịnh giải.

15 — Hoặc ngộ người đóng ruộng ít, không đủ sinh nhai, già trẻ gái già, bơ phờ đói rách chi ách, kim nhật kim thì, mở-mang kỹ nghệ, kim đương thịnh giải.

16 -- Hoặc ngộ cảnh nhà nghèo khó, phải chịu phận hèn, thàng nhỏ con sen, bị chủ ngược đãi chi ách, kim nhật kim thì, tôn trọng nhân đạo, kim đương thịnh giải.

17 — Hoặc ngộ liên năm mất mùa, nhà nông cùng quẫn, sưu thuế nặng nề, càng thêm điêu đứng chi ách, kim nhật kim thì, hạ sưu nhẹ thuế, kim đương thịnh giải.

18 -- Hoặc ngộ bốn thùng bán mẹt, suốt ngày chạy rùa, không đủ nộp thuế, rách rưới long đong chi ách, kim nhật kim thì, hạ thuế thành thị, kim đương thịnh giải.

19 -- Hoặc ngộ làm thợ làm phu, suốt ngày vất vả, tiền lương hạ quá, không đủ nuôi thân chi ách, kim nhật kim thì, tăng công theo lãi, kim đương thịnh giải.

20 -- Hoặc ngộ vì đói ăn vụng, vì túng làm liều, phạm vào luật diều, tù tội khổ sở chi ách, kim nhật kim thì, nhất luật ăn xá, kim đương thịnh giải.

Còn bao tai ách, vô lượng vô biên, kim đối đàn tiền, nhật thiết như pháp thỉnh-giải thập phương xã hội, lạc quốc xuân đài, hà xa công-đức.

Quảng-tràng-thiết Cư sĩ

GIẢNG KINH THẬP - THIỆN

(tiếp theo)

3. Đối trị cái tật muốn nhiều, phúc bạc mà bồi đắp thêm phúc

Đại khái người bầy giờ, phần nhiều lòng muốn thì cao như trời mà mệnh thì mỏng như giấy, không tự tu phúc đức, mà chỉ chăm chăm muốn đê người ta xuống mà nâng mình lên. Nếu không đổi ngay cái tâm ấy đi mà đê tâm bình đẳng, vắng làm mười điều thiện, vun thêm cõi phúc, thì càng ngày càng đọa lạc không thê góc đầu lên được nữa, Cái lòng muốn cao, không phải là không hay, nhưng cần nhất phải vun thêm phúc đức, như cái công đức của Phật và oai sức của chư-thiên long-vương cũng đều bồi công tu Thập - thiện mà nên cả; trái lại, lòng muốn thì cao mà không làm các việc thiện, vun thêm cõi phúc, thì suốt ngày chìm đắm ở trong vòng phiền não, quyết không được cái kết quả tốt, thậm chí lại còn sò dầy vào con đường tự sát nữa! Vậy nên ai muốn giúp đời lợi người càng cần phải vun đắp phúc đức lắm. Xưa có một vị pháp-sư, giảng kinh rất hay, mà không có ai nghe, sau gặp một vị thánh-lăng bảo rằng: « Đó là vì ông không có phúc duyên đó, từ nay nên cố làm các sự lợi người đi » Pháp sư nghe lời, gắng công làm thiện, từ đó ra giảng, mới có người nghe, xem thế thì biết những người lập nên công nghiệp lớn ở trên thế-gian này, tất phải bồi đắp cõi phúc lắm mà cái công bồi đắp cõi phúc đó, chính là cái công tu thập - thiện vậy.

CHƯƠNG THỨ HAI

GIẢI THÍCH KINH VĂN (chia làm hai phần)

I GIẢI THÍCH ĐẦU-ĐỀ (chia làm hai)

1 Giải thích đầu đề kinh. — Sách Phật đại khái chia làm ba thứ, tức là ba tạng : Kinh, luật luận. Kinh, gọi đủ là Khế-kinh, nghĩa là cái phép lớn thường dùng mà lại đứng lý đúng cơ. Kinh là lời Phật nói ra, cho nên nói rằng Phật-thuyết. Phật là cái danh hiệu rất tôn quý để xưng hô những ai đã tu được đầy đủ phúc đức trí tuệ, cực kỳ viên-mãn đầy khắp cả pháp giới. Phật dạy là chuyên chỉ vào đức Thích-ca mâu-ny đáng sinh ở Ấn-độ. Thích-ca là họ ngài, nghĩa là làm đặng đạo nhân-tử, Mâu-ni là tên ngài, nghĩa là lặng bật. Phật muốn mở bảo chúng sinh cho thỏa nguyện mình, cho nên nói ra kinh này tên là Thập thiện nghiệp đạo, Thiện là nói về phần bởi nghiệp mà ra, nghiệp tức là sự hành vi, thiện nghiệp tức là sự hành vi đúng với đạo - đức luân-lý, y theo phép Phật, có thể gọi là người học làm nghiệp lành. Nghiệp lành là : đối với không-gian thì cả mình với người đều có lợi ích ; đối với thời-gian, thì quá-khứ hiện-tại vị lai đều có lợi cả. Nếu không doái hoài đến người, đến đời vị lai, mà chỉ tham cái lợi ích lơ mờ ở trước mắt mình với phần riêng mình, thì lại thành ra ác-nghiệp ngay. Hễ lấy sự lợi ích cho cả mọi người làm cái đầu đề trước cho cái thiện-nghiệp lợi người, thì kết quả mình và người đều được lợi ; lấy sự tôn lợi mọi người làm cái đầu-đề trước cho cái ác nghiệp hại - người, thì kết quả mình với

người đều bị hại cả. Cái mốc thiện ác, đại khái ở đó. Đạo 道 tức là đường xá đi thông, mười thiện-nghiệp tức là con đường sáng sửa thành thang không đi vào con đường ác-nghiệp hiểm hóc tối tăm, mà cứ đi vào con đường thập-thiện thì kém nhất cũng được hưởng cái quả sướng cõi người cõi trời, mà cao hơn thì được cái thành-quả trong tam thừa thanh-vấn duyên-giác bồ-tát, cho nên gọi là Thập-thiện nghiệp đạo.

2. **Giải thích đầu đề bản dịch.** — Phật ứng sinh ở bên nước Ấn-độ, kinh này Phật nói ở dưới long cung, chép bằng chữ Phạm, dịch ra chữ nho là ngài Tam-tạng pháp sư, tên là Thực-xoa Nandā, là người nước vu-diễn, thuộc tỉnh Tân-cương nước Tàu bây giờ, ngay như bộ kinh Hoa-nghiêm tám mươi quyển cũng là do tay pháp-sư dịch ra cả. Kinh này dịch từ đời nhà Đường, lại có một bản của cụ Nghĩa-tĩnh tam-tạng dịch nữa, tên là Phật-thuyết hải-long-vương đại-thừa kinh, xem thế đủ biết kinh này dịch xác là có bản chữ Phạm và có đủ sự thực cùng lịch-sử làm căn cứ nữa.

II — GIẢI THÍCH BẢN VĂN DỊCH (chia làm hai)

THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO KINH

十善業道經

如是我聞，一時佛在
 Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại
 bồng ấy ta nghe, một lúc Phật ở
 Tôi nghe như thế này, một hồi Phật ở

娑 竭 羅 龍 宮, 與 八 千
 Sa kiết la long cung, đứ bát thiên
 Sa kiết la rồng cung, cùng tám ngàn
 Sa - kiết - la long cung, cùng một bọn tám ngàn
 大 比 丘 眾 三 萬 二 千
 đại tỉ-khuru chúng tam vạn nhị thiên
 nhón tỉ-khâu nhiều ba vạn hai ngàn
 đại - Tỉ khuru, với ba vạn hai nghìn
 菩 薩 摩 訶 羅 俱
 bồ tát ma ha tát câu.
 bồ tát ma ha tát đều.
 Bồ tát ma ha tát.

1. Dẫn chứng có làm tin 證信. -- « Một bản kinh này, chính tôi được nghe, một hồi kia, Phật nói ở dưới long cung Sa kiết-la, có 8000 vị đại tỉ khuru và 32000 bồ tát ma ha-tát giúp thỉnh ».

Một đoạn văn này là một đoạn sử ký do người biên chép rõ kinh này chép rõ là ai nói, nói ở xứ nào lúc nào và nói cho ai nghe để làm tin. « Tôi được nghe », chữ tôi đây là một cái tên mượn ra để đại-biểu cho cả một đoàn thể hòa hợp nhau, chứ không phải là cái tôi của tôi. Không nói rằng nghe thấy mà nói là chính tôi nghe là tỏ cho người biết rằng chính mình được nghe rõ ràng chứ không phải là nghe ai nói lại. « Một hồi kia » là nói về lúc nói kinh, số gì không nói rõ ngày tháng là vì mỗi xứ dùng một thứ lịch, ngày tháng không giống nhau, mà Phật thuyết pháp thì khi ở trên trời, khi ở nhân gian, khi ở long cung, hết ở nước này, lại sang nước khác, cho nên không nói ngày tháng nhất định. « Long-cung » tức là chỗ nói kinh. « Sa kiết la » là tiếng phạm, nghĩa là bề nước mạn. Ở trong bề nhón, có cung điện của long-vương, là chỗ long ở. Bộ long nói ở trong kinh Phật, hơi khác với hạng long mà ta thường cho là giống làm mưa làm mây kia. Phần nhiều thì ai cũng nhận rằng giống long là một giống động vật có thần thông biến hóa, các nhà sinh-vật học bây giờ khảo sát đến các giống động vật ngày xưa, cũng nói rằng quả có long thật.

(Còn nữa)

TÂY - VỰC KÝ

(tiếp theo)

Đêm hôm ấy, trong chùa có một vị Hồ tăng (sư tây đến) tên là Đạt-ma, nằm mộng thấy Pháp-sư ngồi trên một bông hoa sen, bay về phía Tây. Đạt-ma lấy làm lạ, sáng giậy bạch với Pháp-sư. Pháp-sư mừng thầm, biết là cái điềm sẽ đi được, lại vào trong chùa lễ Phật, một lát thấy một người Hồ cũng vào lễ Phật, rồi đi vòng quanh Pháp-sư hai ba vòng. Pháp-sư hỏi tên họ, thì khai rằng : « Họ Thạch, tên là Bàn-đà » Nói rồi xin thụ giới. Pháp-sư làm lễ thụ ngũ giới cho. Người Hồ mừng lắm, cáo từ xin về, một lát mang các thứ bánh quả lại cúng. Pháp-sư thấy hẳn khỏe mạnh, lại có vẻ cung kính, mới nghĩ muốn nhờ đưa đi. Người Hồ vâng lời, xin đưa Pháp-sư ra khỏi năm đôn. Pháp-sư mừng lắm, lại sắm sửa thêm đồ ăn dùng và tậu ngựa để đi.

Ngày mai người Hồ lại đưa một ông Hồ già cưỡi một con ngựa tía già và gầy đến, người Hồ nói : « Ông già này rất thuộc lối đi sang Tây, vì ông đã đi lại xứ Y-ngô hơn 30 lần, cho nên tôi đưa ông ấy lại, may ra có bổ ích thêm chăng ». Ông Hồ mới kể cho Pháp-sư nghe rằng : « Đường lối sang Tây rất là nguy hiểm, nào bề cát mông mênh, nào ma quỷ gió nóng, không có mấy người qua được. Nhiều khi đi hàng đàn hàng lũ còn lạc mất luôn, huống chi Pháp-sư, một thân một mình, đi thế nào được, xin chầm chước lại, chớ liều hại thân ». Pháp-sư nói : « Bàn đạo vì cầu pháp lớn, lặn sang Tây phương, nếu không tới nước Bà-la-môn, nhất định không về, dù chết giữa đường, cũng không hối hận gì ». Ông Hồ nói : « Nếu Pháp-sư quyết đi, nên cưỡi con ngựa này của tôi, vì con ngựa này nó đi lại xứ Y-ngô đã 15 lần rồi, vừa khỏe vừa thuộc đường mới đi được, còn con ngựa của Pháp-sư sức còn non, không thể đi xa được ». Pháp-sư nghe nói nghĩ bụng khi ở Tràng-an ra đi, có một thầy thuật số tên là Hà-hoảng-Đạt bảo rằng : « Đi thì được, mà lúc đi thì phải cưỡi con ngựa tía già, yên đen, đầu yên bít

sắt ». Nay coi con ngựa của ông già này đúng như thế thực, trong lòng càng tin, mới bằng lòng đổi ngựa cho ông Hồ. Ông Hồ vui vẻ đi.

Bấy giờ mới sửa sửa hành lý, đem khuya cùng người Hồ đi. Qua cánh bìa đến bờ sông, sa sa đã trông thấy Ngọc môn quan. Đi đến quãng sông cách xa quan hơn mười dặm, hai bờ cách xa chừng hơn một trượng, bên có nhiều bụi lau, người Hồ chặt lau cắm hai bên, cắt cổ nhét vào giữa, làm thành cái cầu nổi giắt ngựa đi qua. Pháp-sư sang qua sông rồi, trong lòng hơi mừng, mới xuống ngựa ngồi nghỉ. Người Hồ cũng đỡ gánh nghỉ, ngồi cách xa nhau chừng năm mươi bước, đều bỏ gối mà ngủ.

Một lát thấy người Hồ chồm dậy, tuốt dao chạy lại, đến trước mặt Pháp-sư, còn cách độ mười bước thì lại trở lại, không biết là cái ý gì. Pháp-sư ngờ nó có ý bất chặc liền tụng kinh và niệm « Quán-thế-Âm bồ-tát » thì người Hồ lại ngồi xuống ngủ. Trời gần sáng, Pháp-sư gọi hân giầy, lấy nước rửa mặt súc miệng, lấy cơm ra ăn. Ăn xong sắp sửa ra đi, người Hồ nói : « Đệ tử nghĩ kĩ, bây giờ lên đường hiểm chỗ, cỏ nước không có, chỉ dưới chân đống có một ít nước, cần phải đi đêm, nước trộm lấy nước mới đi qua được, nếu một đống họ biết tức là chết rồi, thôi thôi trở về còn hơn ». Pháp-sư nhất định không nghe, cứ thúc dục đi. Người Hồ rút dao dương cung ra dọa, bắt Pháp-sư đi trước. Pháp-sư không nghe. Đi được vài ba dặm, người Hồ đứng lại nói rằng : « Đệ tử còn vương việc nhà không thể đi mãi được, vả lại phép vua gần cấm, không dám cố phạm, xin trở về ». Pháp-sư biết ý cũng mặc cho về. Người Hồ nói : « Không may Pháp-sư bị họ bắt, ép phải đổi chí, thì làm thế nào ? » Pháp-sư nói : « Dù đem thân này sả ra từng mảnh như bụi như cát, cũng không nản chí ». Người Hồ nghe nói, cũng cảm phục cái chí của Pháp-sư, từ tạ Pháp-sư mà về.

Từ đó Pháp-sư, một mình vò vó đi trong bề cát, chỉ rông những bộ xương chết rũ và phân ngựa mà nhận đi đi dần, bỗng chốc thấy có hàng mấy trăm đội quân, đi trên bề cát, lúc đi lúc thôi, xa xa trông rõ toàn là áo cừu, cưỡi lạc-dã cả, mà đến gần thì lại biến dần đi hết. Pháp-sư mới thấy tưởng là quân giặc, sau mới nhận được là ma, lại nghe trong không có tiếng bảo rằng : « Dừng sợ ! dừng sợ ! » lòng mới yên yên, đi chừng tám mươi dặm, trông thấy cái đồn thứ nhất, sợ quân canh rông thấy, phải nấp xuống dưới vũng cát, chờ đến tối mới đi. Đến phía Tây chân đồn, tìm thấy vũng nước, mới cống rửa tay và uống mấy ngụm, lại toan cởi cái túi da ra, mức thêm ít nước, bỗng thấy đến vèo một cái, một cái tên xuyết trúng vào đầu gối, gãy lạt, lại thấy một tên nữa, biết đã có người trông thấy rồi, mới nói to lên rằng : « Tôi là nhà sư ở kinh-đô lại đây, các ông đừng có bắn nữa ». Nói đoạn giắt ngựa đi vào đồn.

Người trên đồn cũng mở cửa ra tiếp, trông rõ là nhà sư, mới đưa vào trình qua Hiệu úy là Vương Tường. Tường sai khều to đèn xem rồi nói : « Ủ, chính là sư ở kinh-sư, không phải người Hà tây này thực ». Đoạn lại hỏi đến cái ý đến đây làm gì ? Pháp-sư nói : « Ngài có nghe thấy tin đồn có một nhà sư tên là Huyền-trang định sang nước Bà-la-môn cầu pháp không ? »

— Có, nhưng nghe nói đã trở về rồi kia mà, sao lại tới đây ? Pháp-sư đưa độ điệp cho xem, Tường mới tin và nói rằng : « Đường lối sang Tây vừa xa vừa hiểm, không thể đi được, tôi nay cũng không dám bắt Pháp-sư, nhưng tôi vốn là người xứ Đôn-hoàng, tôi muốn đưa Pháp-sư về đó, vì ở đó có một vị Pháp-sư tên là Trương Hiệu, kíp hiện trong đức, nếu gặp Pháp-sư tất là thích lắm, xin mời Pháp-sư trở lại ». Pháp-sư nói : Bần tăng quê ở Lạc-dương, mộ đạo từ thuở nhỏ, các bậc đạo pháp thâm trọng ở hai kinh, các sư thông đạt một tông ở Ngô - thực, đều quây bóm theo học, ki được hiểu

hết, cho nên diển đảng đàm luận, cũng được đời tôn trọng, kẻ đường lợi đường danh giá, nào có kèm gì xù Đóa-hoàng! Nhưng bản tăng những ân hận rằng kịch chưa đủ hết, nghĩa còn sai lầm, cho nên không tiếc linh mạng, không sợ nguy hiểm, thề sang Tây phương, mong cầu di-pháp, ngài không khuyên gắng thêm cho, lại bảo trở về, thế có phải là cái đạo giải bớt trần lao, gây nhân Niết bàn đâu? Nếu ngài muốn bắt tôi, xin cứ dùng binh phạt, tôi quyết không lùi về một bước, cho tôi tắm lòng xưa. Tường nghe đoạn cảm động rói rằng: Đệ tử có phúc, được gặp Pháp-sư, thực là may lắm, dám xin tùy hỉ. Pháp-sư mỗi một lần rồi, mời Pháp-sư hãy đi nghỉ, sáng mai xin chỉ lối tiến Pháp-sư đi, Sáng mai Pháp-sư thụ trai, Tường sai người múc nước và gói bánh, thân mình tiến đi đến hơn mười dặm và dặn rằng: Cứ theo con đường này đi lát đến ngay đồn thú tư, quan coi đồn ấy cũng có lòng tốt, lại là họ thân của đệ tử, họ Vương tên là Bá-Lung, Pháp-sư gặp mặt cứ nói là đệ tử dặn lại, tự khắc hẳn hết lòng giúp đỡ. Nói đoạn gạt nước mắt từ về. Pháp-sư một mình ra đi, đến đồn thú tư, vẫn ngại có sự lồi thối, toan lẳng lẳng xuống lấy nước rồi đi, không ngờ chưa lấy được nước, đã thấy một chiếc tên bắn xuống, vội vàng lại kêu như trước. Linh trong đồn đồ ra, đưa vào trình quan đồn. Quan đồn hỏi định đi đâu? Pháp-sư đáp rằng: Muốn sang Thiên-trúc, có đi qua cái đồn thú nhất, gặp quan hiệu úy là Vương Tường dặn đi lại đây. Quan đồn nghe nói mừng rỡ, mời nghỉ lại một tối, sáng mai lại tặng một cái túi da đựng nước lớn và thóc ngựa ăn, thân mình lên đường và dặn rằng: Pháp-sư không nên đến đồn thú năm, vì rằng người coi đồn ấy tính tình thô xuất, e có sự lồi thối, cứ đi qua đấy hơn một trăm dặm, có một cái suối tên là Dã-mã toàn, có thể lấy nước được, từ đấy trở đi, tức là bề cát Mạc-hạ-duyên, giải hơn tám trăm dặm, ngày xưa gọi là sông-cát, trên không không có chim bay, dưới đất không có muỗi chạy, lại không có một sợi cỏ, một giọt nước nào. (còn nữa)

KINH THIỆN-SINH DIỄN CA

diễn theo bản kinh của hội Phật-giáo

Rằng : xưa La-duyệt Kỳ-viên,
Trụ-cư đại-chúng dư nghìn hai trăm
Một ngày vừa đến giờ ăn,
Thế-tôn sấm xửa đời chân vào thành.
Gặp chàng công-tử Thiện-sinh,
Tắm vừa xong mới lau mình bước ra.
Nghiêm trang đứng giữa vườn hoa,
Hương sáu phương lễ thực là thành tâm.
Thấy người thành tín khen thắm,
Lại gần Phật mới hỏi thăm sự lòng ;
Rằng : sao vừa mới tắm xong,
Vội vàng đã phải đem công kính thành.
Bạch rằng : cha thừa bình sinh,
Giận khi lễ bái phải tinh mọi đờng.
Lễ thi lễ cả sáu phương,
Sáng nào cũng phải giữ thường không sai.
Cho nên tâm niệm ghi lời,
Thành tâm xin nguyện dứt giới chớ che.
Phật rằng : con lắng mà nghe.
Lẽ như thế ấy ích gì cho con.
Xem trong chính đạo pháp môn,
Sáu phương tuy lễ nhưng eòn sửa thân.
Bạch rằng : Lạy đức Thế-tôn,
Sáu phương xin giảng pháp-môn thế nào.
Con xin một dạ vâng theo,
Đề mong phúc lộc đời dào về sau.
Rằng : nghe cho thấu gót đầu,

Thiện sinh hai chữ mới hầu sinh tên.
Bốn nghiệp ác quả sui nên.
Sát, đạo, dâm, vọng phải kiêng cho mình,
Sát là chớ giết chúng sinh.
Đạo chớ trộm cắp chớ sinh gian tà.
Dâm đừng phóng dãng trăng hoa.
Vọng là chớ nói sai ngoa lẽ thường,
Muốn kiêng thì chớ đa mang,
Dục, khuê, si, bỏ, bốn đường nhằm sai
Dục là chớ hám sắc tài,
Khuê đừng tức giận với ai làm gì
Si đừng dại dột đam mê,
Bố đừng hèn nhát tu trì dở dang.
Này nhờ kế giẫy rõ ràng,
Dù ai cũng phải nhớ thường chớ quên.
Gáy nên tốn bạc hao liền.
Sáu nghiệp (là) sáu con nên lự chừa.
Rượu chè phóng dãng bạc cờ,
Kỹ nhạc, lười biếng, bạn hư, chớ chiều,
Rượu làm tổn phi tiền tiêu,
Sinh ra bệnh tật sinh điều cạnh tranh.
Tiếng đồn thêm xấu cho danh,
Tính thành hung giữ chỉ thành môn hao.
Bạc cờ mấy kẻ thấp cáo,
Thua thì mình thiệt được nào ai vui.
Người hay khinh bỉ chớ cười.
Mất lòng tin cậy mất nơi đi về,
Rời ra thua thây đẽ mề.
Lòng tham sẽ biến ra nghề gian phi.

Phóng đấng thân chẳng nghĩ gì,
 Tiền thì để phí con thì để hư.
 Lại hay quá đại sinh lo
 Suốt đời khổ não như tờ quần giàng.
 Tri thường nghĩ việc hư hoang,
 Ít khi thanh tịnh để bàn điều nhân.
 Kỹ nhạc là bả hư thân.
 Làm ta mê mẩn tâm thần ngày đêm.
 Nào mê giọng hát êm dềm,
 Nào mê đàn địch quản huyền cho hay.
 Thì giờ vùn vụt như bay,
 Càng ao ước lắm càng say đắm tình.
 Bạn hư mấy kẻ vì mình,
 Rủ nhau làm bấy lần hình chốn khuya.
 Minh đi muốn cả người đi,
 Giở soay tài lợi lăm le của người.
 Rồi khi đi đứng nói cười,
 Bàn hay bàn dở việc người cùng nhau.
 Biếng tưới cấy những số giàu,
 Cầu vui chẳng chịu mau mau việc làm.

Phạm-tất-Thắng

(Còn nữa)

Việc làm chùa Hội-quán Trung-wương

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre
 và biên bản hội đồng Quán-trị ngày 24 Octobre 1937, thì
 các hội viên trong Hội đều cúng góp mỗi vị một đồng
 (1\$00) để lấy tiền khởi công làm chùa Hội quán.

Vậy xin đăng phượng danh các vị ở chi hội Địa

phương Văn-Lâm đã cúng góp đăng lên báo chương để
thiện-tin thập-phương chúng giám.

Các ngài : Nguyễn văn Hy, Nguyễn xuân Quán, Đặng
văn Lập, Nguyễn ngọc Lâm, Nguyễn minh Lương, Sài thị
Duyệt, Đỗ hám Hanh, Kiều thúc Chuyên, Phạm ngọc Anh,
Đoàn văn Lan, Đoàn văn Trực, Nguyễn văn Kinh, Lê văn
Nhật, Nguyễn xuân Đàm, Trịnh văn Huyền, Nguyễn văn
Túc, Nguyễn văn Bát, Trịnh thị Trạng, Trần thị Huyền,
Trịnh thị Tiếp, Trần thị Ôn, Lê văn Nhật, Lê văn Kính,
Trịnh văn Hãn, Sài văn Đình, Nguyễn thị Đình, Đàm thị
Nhâm, Dương văn Tỷ, Đàm thị Gồm, Phạm-quang-Hiền,
Trần thị Lĩnh, Nguyễn thị gái, Nguyễn văn Tuyền, Hoàng-
thị-Nổi.

Cúng tiền về việc làm chùa Hội-quán

Chi hội Phật Giáo tỉnh Hải-Dương đã đưa 100\$00

Ông Hồ-Ngữ Thanh-hóa công đức 5\$00

Ông Nguyễn-dình-Chừ Hanoi — 1\$00

AI TẠO NGHIỆP

(tiểu thuyết nạn nước lụt)

(tiếp theo và kết)

Người nhà với cướp đánh nhau đến gần hai tiếng
đồng-hồ, nên người làng, đến những kẻ già yếu và đàn
bà ở xóm xa cũng đủ thì giờ kéo đến cứu viện. Trên
nóc nhà trong hàng rào các nhà hàng xóm đều có người
đặt bừa trống và mảnh nồi ném vào tới tấp, nhưng
bọn cướp không coi cái toán viện-binh ấy vào đâu, vì
sáng mỗi lửa bật hồng của chúng soi ra, chúng trông
rõ cả toán viện binh ấy mà biết thừa lực-lượng của họ
rồi. Bỗng khói đầu ngọn ngụt ở trong các cửa sổ trên
gác tràn chấn xong sắt mà tuôn ra. Bấy giờ nghe rõ ràng

tiếng Cu Nghị Thóc ở trong cửa sổ gào to lên rằng :

« -- Tuần phiên giai tráng làng ta đâu, không đánh vào mà cứu nhà tôi, cướp nó đốt chết cả mấy nhân mạng đây ! Cứu mau lên ! mau !

Thì ra bọn cướp phá được tường gác vào, nhưng tầng dưới chỉ những sập, dượng, không có vật gì mang sách được mà lấy. Lên thang thì cửa thang đóng chặt một thanh cướp bị ngọn giáo trên gác sĩa qua khe sàn xuống bị trọng thương, Nếu lúc ấy mà bọn tuần phiên giai tráng ở ngoài đánh riết vào thì bọn cướp tất bỏ mà rút. Nhưng bọn cướp nó biết toán viện-binh kia bất lực nên nó vẫn vững, không được ăn thì đập đũa, đã không lấy được tí gì lại một đứa bị thương, soay kể tàn ác giả thù, chúng bèn lấy dầu hỏa lằm vào rơm và chiếu chất đầy lên thang gác mà đốt. Lửa đốt cháy cửa thang gác mà bốc lên, trên gác bốn mặt cửa sổ đều có chấn song sắt không còn thoát lối nào được, nên cụ Nghị cuống cuống kêu gào gọi làng vào cứu.

Trời đất ơi ! thảm hại biết bao, tàn ác biết bao. Lửa trên gác do các cửa sổ lửa ra cháy cả cánh cửa chớp trông như những cái miệng Ma-vương phun lửa, tiếng người trong gác khóc kêu thảm thiết rồi lửa bốc lên nóc, dui gậy ngói sụt xuống âm âm cùng những tiếng vật bị cháy nổ như súng vang, những người làng đều cứu viện đứng ngoài thấy tình trạng ấy, họ phải cảm động mà khóc nức nở và la gào chủ rủa cướp bắt nhân tàn bạo ấy, nhưng vì họ đều là kẻ tài yếu sức mỏng không dám liều chết với bọn cướp mà sấn vào để cứu. Sau biết địch là bọn cướp rút ra lối vườn sau chèo thuyền đi cả rồi, nhưng cánh cổng trước đóng chặt, một người phải bắc thang vào để mở cửa. Bọn cứu-viện vào đến sân thì giới vừa sáng bạch

Thương ôi, thế là một nhà ông Cu Nghị Thóc bầy mạng người vừa già vừa trẻ gái giai với cái số của cải mấy trăm thóc mấy côt độ hơn trăm nổi đồng mâm

thau và đồ sành, bạc giấy, bạc thực, đồ vàng, đáng giá vài vạn bạc rồn cả lên cái gác sang ấy, thành ra một cái cửa. Bọn cứu viện ấy đứng run lạt bật trông nhau, mắt đăm đăm, người máu máo, tỏ nỗi thảm thương. Nhưng sáng ngày ra mới nhận rõ, bọn cứu viện ấy là chỉ những ông già bà lão, những người bị đói khéo khư cùng bọn con gái xanh như tàu lá. Như thế thảo nào ban đêm họ chỉ dùng được cái khí giới đất tường và mảnh ni ném vào mà thôi.

Một ông Lý cụ tuy hom hem nhưng vì công phải với bọn cướp ông nói ra giọng mạnh bạo mà rằng:

« -- Thăng xã Sứ nhà tôi nó mà ở nhà thì tôi bỏ qua thế nào nó cũng nhảy vào đánh nhau với bọn cướp nhà Cụ Nghị tất không đến nỗi này.

--- Thì thăng châu nhà tôi với Anh Xã Hai con Bà cụ Mùi này (vừa nói vừa trở vào một bà già đứng đấy còn nhiều đứa nữa, đứa thì có chân tuần phiên nữa kia, giai làng ta chúng nó khỏe cả, đứa nào cũng biết võ và hăng hái lắm! đến năm kia, làng bên cạnh bị cướp mà chúng còn đủ nhau ra đón đánh giúp nữa là. Nếu chúng nó mà ở nhà thì bọn cướp đói này chúng nó có thể bắt sống được tất cả. Đó ông Hương Giáp nói vừa rút lời thì Bà cụ Mùi tiếp vào.

Thưa các cụ, Dầu dẫy rớt đĩa khôn bưng, dù sang trọng ta mừng chon nhau. Cả làng ta nghèo, chỉ còn được nhà Cụ Nghị đây khá giả chúng tôi cũng lấy làm mừng cho Cụ, lấy Giới lập Phật các cháu mà không phải đi xa không ở làng được là chỉ vì Giới làng năm nay nước lụt to quá, lúa má mất cả, hơn tháng giới uay cả làng không ai đi được đâu làm được việc gì cứ ro ro ngồi trên bục với nhau, có cái gì bòn mót bắt đi mà ăn hết. Rồi đến cây chuối dọc khoai cũng không còn mà ăn. Đói quá Các anh ấy bàn với thăng châu nhà tôi bàn vào hỏi cụ Nghị xin cụ cấp cho mỗi đứa một

vài
nhĩ
trừ
cụ
nhĩ
cụ
nằm
Kể
mẹ
kể
I
ra
ng
nh
tiê
sẽ
sẽ
14
xu
bố
ch
từ
tr
từ
là

gạt thóc cho vợ con chúng nó ăn để chúng nó ở nhà mà đêm coi nhà cho cụ. Rồi răn ra, đưa thì làm công cho Cụ. đưa thì kiếm ăn mà giả về sau. Nhưng

Nghị bảo : « Các anh có lòng, tôi cũng cảm ơn, nhưng nhà tôi vụ này cũng mất cả. » Là cụ chắc nhà nghèo nên không cần đến chúng nó. Không thể làm mà chịu chết đói được, chúng nó phải đem thân ra đi thì thì quây con giắt vợ, kẻ thì đi một mình, bỏ vợ già con thơ đói meo ở nhà. Bây giờ kẻ thì lên Thái thì ra min mỗ, mà cũng chẳng có tin tức gì về. »

Bà già vừa nói vừa kéo vạt áo lau nước mắt. Trông lý dịch đã đưa Quan nba vào đến nơi để khám-xét.

Quảng-tràng-thiệt Cự-si

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Lại sẽ đổi ngạch thuế thân năm 1938 — Đối với ngạch thuế thân năm 1938 mà Chính phủ mới cải định, nhất là về hạng nhì thuế thân mỗi năm 35\$00, các nhà nông, tiểu công-thương rất đang lo sợ. Lo sợ là họ không có thể kham nổi. Thì nay đã có tin Chính-phủ ưng đổi lại trong hạng 35p. ấy mà thêm ra có hạng p. và hạng 24p. Còn hạng có từ năm sào đất trở xuống được liệt vào hạng vô-sản.

Về năm hạng thuế thân mới mà Chính phủ đã công bố, chắc các Độc-giá đều đã nhớ biết, đây chúng tôi chỉ nhắc lại hạng mà nay mai sẽ được cải-định lại.

Hạng ấy theo Chính-phủ đã công bố thì : Các điền-chủ mười 10 mẫu đến 100 mẫu, các nghiệp-chủ, thuế thân ngạch từ 25\$00 đến 200\$00, các nhà buôn thuế môn-bài 20p. đến dưới 200p. các viên-chức công-sở tư-sở, đang làm việc hay đã về hưu mà hàng năm lĩnh 1200p. Đầu

phải chịu thuế thân một năm là 35p.

Bởi thế mà dư luận sôn sáo, Người ta lo sợ những lẽ sau này :

1. - Kẻ làm ruộng nhà quê có 10 mẫu bầy giờ với kẻ buôn bán ở thị-thành mà môn bài trên 20p hiện giờ đều đang lâm vào cảnh khốn đốn, vì cái vốn những cửa hàng ấy chỉ vài ba trăm bạc, đối với cái buổi kinh tế khó khăn này đã khó sống nổi, còn chịu sao được cái thuế thân 35p một năm ấy.

2. - Người có 10 mẫu mà cũng chịu thuế thân như người có 100 mẫu, Người mang 20p. thuế môn bài mà cũng chịu như người mang 200.

Thì kẻ có lợi một phần cũng chịu như kẻ có lợi gấp mười, thực là bất công.

Lại còn hạng thuế thân 1p. để nhe cho những người vô sản, nhưng lại bắt kẻ có 5, 3 sào cũng gọi là có sản, phải chịu theo hạng 2p.50. Về hạng này ở nhà quê, tuy nghèo cùng nhưng không mấy người là không có 5, 3 sào ruộng đất. Song cái lợi đó không được là bao. Thành ra tuy vì dân nghèo. mà dân nghèo không mấy người được giảm.

Nay Chính-phủ đã hiểu tới chỗ lầm đó. Có tin dưới hạng nhì 35p.00 trên hạng ba 7500, sẽ thêm ra một hạng 14p.00 và một hạng 24p.00. Còn hạng có 5 sào ruộng hoặc đất trở xuống cho vào hạng vô sản cả.

Chính-phủ Bắc-kỳ còn đợi quan Toàn-quyền duyệt y xong sẽ sức yết tại các đình hoặc công quán cho dân biết.

Vậy ai là nhà tiêu diễm chủ và tiêu công nghệ trên ấy hãy yên tâm đợi.

Chế độ mới về lao động. - Theo đạo sắc lệnh ngày 30 Décembre 1936 ban hành về chế độ lao động ở bêu Thượng-quốc, nay đã tới kỳ thi hành phổ cập cho cả cõi Đông-dương. Cốt yếu có 2 điều là :

Điều thứ 67 : Trong mỗi sở kỹ nghệ, thương mại, hầm mỏ, hay trong những xưởng phụ thuộc của các sở trên ấy có tính cách từ thiện hay giầy nghề cũng vậy ; thì giờ làm việc của thợ, của người làm không được quá 9 giờ mỗi ngày kể từ 1er Janvier 1937 và không được quá 8 giờ bắt đầu từ 1er Janvier 1938.

Điều thứ 84: Thợ người làm và thợ tập sự nào cũng thế, làm một nghề kỹ nghệ thương mại, mỏ, hay một nghề gì tự do, đều được có quyền trong một năm làm việc, nghỉ một hạn ngắn nhất là năm ngày có lương. kể từ 1er Janvier 1937 và 10 ngày có lương kể từ 1er Janvier 1938.

Thế là từ ngày 1er Janvier 1938 này trở đi, thợ thuyền và người làm công ở Đông dương cũng như ở bên Pháp đều làm việc mỗi ngày 8 giờ và được nghỉ mười ngày có lương.

Đối với chế độ nhân đạo ấy chúng tôi rất lấy làm hoan hỉ và mừng cho anh em lao động. Chúng tôi thì nhận rằng chủ nghĩa xã hội thực là hợp với tinh thần từ bi bình đẳng của đạo Phật. Anh em chị em lao động vì nghèo khó phải đi làm thuê làm mướn để độ nhật mà không được tự do dùng cái thời giờ sinh sống của mình. Từ nay mỗi ngày sẽ được có chút thì giờ, ngoài sự dùng chỉnh đốn gia sự ra, sẽ được dề tâm đến sự học tập thêm, hoặc về nghĩa lý, hoặc về giáo hóa, để bồi bổ cho tâm trí, được sống thêm ở cõi tinh thần khỏi uổng cuộc phù sinh đầu tắt mặt tối suốt đời mà không còn biết có cái thú sống làm người là gì.

Chúng tôi còn mong rằng đạo Phật cũng là tông giáo lớn, tín đồ ở Á đông chiếm số nhiều trong dân chúng một ngày kia sẽ được các Quốc gia Á đông công nhận cho có ngày nghỉ về đạo Phật nữa.

TIN THẾ - GIỚI

Tin bên Pháp — Nội các Chautemps lại thành lập. — Sau khi bất đồng ý với đảng cộng sản tại hạ nghị

viện, ông Chautemps Thủ-tướng, từ chức. Nội các Chautemps dỏ, ai nấy đều yên chí là chiến tuyến binh-dân bị vỡ, khó có thể khôi phục lại được. Quan Thống-lính Le Brua vội-vã mời các yếu nhân trong đảng xã hội cấp tiến như ông Sarraut, ông Bonnet và cả ông Chautemps vào tổ-chức Nội-các mới. Nhưng các ông đều cáo từ vì thời cục khó khăn. Dự luận đều đang lo ngại, thì nay đã có tin Paris ngày 18 Janvier này, nói Nội các Chautemps mới đã thành lập. Vậy thì chiến-tuyến binh-dân lại được trùng hưng, làm theo cái chương trình của mình đã định. Chương trình ấy có cả đấu cõng-sản ưng thuận từ trước.

Trong Nội các Chautemps mới này, ta nên để ý là hai vị sau này : Ông Sarraut nguyên toàn quyền Đông-dương làm Tổng-trưởng bộ Nội vụ, ông Steeg làm Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa. — Chúng tôi nhắc lại để các Độc-giả biết tình cách Nội các binh-dân này có quan-hệ với thời cục bên Pháp và với quần chúng bên đây là thế nào. Nội các lấy chiến tuyến binh dân làm trách nhiệm, nghĩa là đưa giai cấp binh dân phấn đấu với giai cấp tư bản, cho kỳ đắc thắng mà thực hành chủ nghĩa binh-dân. Chiến tuyến này tuy chưa thực hành chính thể tài sản công cộng như chủ nghĩa cộng sản, nhưng đối với hai bên lao-động và tài chủ, có can thiệp điều tễ được nhiều. Đó cũng là do trình độ và tình trạng xã hội hiện thời ở Pháp phải bước dần lên con đường tiến hóa như thế thì mới an ổn khôn sảy vấp. Ta thấy nước Pháp là nước chính thể cộng hòa, ta tưởng xã hội bên ấy nhất luật quân bình đã lâu. Song thực ra trước thì Đế chính Nã phá luân, sau thì giai cấp tư bản, đã chiếm cứ mất cả thực quyền, cả các phương diện kinh tế của giai cấp binh-dân. Có chăng từ nay, giai cấp binh dân mới có thời cơ được nhận chân quyền lợi của mình. Giai cấp binh-dân ở Thượng-quốc mà được dễ thở về đời sinh sống, thì tức là giai cấp binh-dân ở thuộc địa cũng được hưởng nhờ dư huệ.

PHẬT-GIÁO TÂN-LUẬN

(tiếp theo và hết)

Trước đây Chư Tồ bên Trung-quốc đã thường bài-xích cái thói cổ trấp, cho rằng một người xuất gia bỏ giữ những điều giới luật tiểu tiết, xa lánh tục trần, mà không làm được một điều gì sáng tỏ cho đạo, thì phông có công đở gì. Ý kiến ấy thực là xác đáng. Vậy ngày nay phạm sự sinh hoạt, sự dong nghi, cho đến sự giao tế, chừ lẫn cũng nên cải cách những lối khắc khổ quá đáng xưa đi.

Có nhiên cái gia phong cao thượng khác thường, là thanh đạm, phác tễ, kiệm ước, thì bao giờ cũng phải giữ, nhưng cũng nên xử ra cái phong độ nho nhã tinh khiết, chứ đừng nên làm ra những kiểu cách tồi tàn tiêu tụy trái ngược với đời quá. Đã trái ngược với đời thì không bao giờ gần đời mà hóa độ cho đời được.

Lẽ thường, đã trấp thì mê, mê thì không còn phân biệt được điều hay điều dở nữa. Rồi đến điều hay thì bỏ mà điều dở thì giữ khư khư. Đạo Phật đạo Nho gần đây sở dĩ bị suy đồi là đều do ở chỗ ấy.

Hiện nay có hai điều giới luật lớn trong tăng hội là giới sát và cấm dâm người ta đang phân vân nghị luận, kê thì muốn giải phóng cả hai điều ấy, là bất chước ở Nhật-bản. Nhật-bản hồi đầu Duy-tân, vua Minh-trị hạ chiếu cho tăng chúng thực nhục thú thê.

Vậy thì muốn cứ giữ nguyên cả hai điều như cũ. Giữ nguyên như cũ, đã cố nhiên không phải bàn, nhưng giải phóng cả như lời chiếu chỉ Nhật-bản, tưởng cũng là quá đáng. Vậy tôi xin lấy bình tình nghị luận lại như sau này:

a) Về giới bất sát ăn tray; — Nguyên vì đức Thích-ca. Ngài cho rằng Phật với chúng sinh (kể cả người với động vật) vốn cùng bầm thụ một Phật tính linh minh mà có tình cảm như nhau, nên Ngài cho Phật với chúng sinh là bình-đẳng. Nghĩa bình-đẳng đã suy rộng đến như thế, nên không còn phân biệt gì người với vật khác nhau, bởi vậy Ngài xướng lên chủ nghĩa từ-bi. Từ-bi là ưu độ chớ hết thấy chúng sinh có tình cảm thoát mọi sự khổ sở được mọi sự sung sướng. Vì có chủ nghĩa từ-bi mà có luật giới-sát. Giới-sát là người ta trừ khử bất đắc dĩ phải vì nghĩa lớn ra tội không được giết hại

một người nào vô tội hay là một con vật vô can. Bề bề trong tăng-hội không dám ăn thịt loài động vật mà chỉ dưỡng sinh bằng những thứ rau quả mà thôi, gọi là ăn chay. Xem bề biết cách ăn chay thực là một điều giáo hóa rất hay. một đạo đức tuyệt đối, chỉ nhân quả nghĩa không gì hơn. Nghĩa là đối với những loài cầm thú còn trùng kia còn không nỡ sát hại nó để nuôi thân mình phương chi là đối với loài người với nhau. Vậy thì giới bất sát và ăn chay này, dù vì kế sinh tồn eo hẹp, loài người chưa có thể thi hành nhất luật được, nhưng trong tăng hội cũng nên tuân giữ để làm gương nhân ái cho thế giới hung tàn.

b) Về giới cấm dâm và bất hôn. — Cứ trong luật ngũ giới của đức Thích-ca Ngài đặt cho cả hai phải độ từ tâm ni và thiện tín phải tuân theo thì chỉ nói là giới dâm, nghĩa là không được tà dâm. Tà dâm là một sự tội ác rất lớn. Song về bên tăng chúng vì muốn hi sinh hết mọi điều hạnh phúc của mình để hoàn toàn đem thân cố gắng hiến cho Phật pháp, nên mới cắt đứt cả cái giây chần phọc về thất gia đình mà thực hành cấm dâm và bất hôn. Kể ra thì cái lòng vì đạo vì đời mà chịu xả một phần riêng của đời mình ấy, ôi! thực đáng quý hóa biết bao, nhưng làm sao cho hết thấy ai ai cũng đều có được lòng chân thực ấy, hay là có thì giữ cho trọn đời chân thực được. Bằng nếu gian tà thì lại càng thêm nhiều tội lỗi. Vì rằng luật « duyên sinh 緣生 » và bất diệt 不滅 tức ngày nay gọi là luật « sinh tồn ». nó là một phép tự nhiên trong pháp-giới, chúng sinh sao tránh khỏi. Chúng-sinh bị nó sai khiến, bắt buộc phải nằm ở trong mà không tự biết. Và cũng vì có nó mà mới có cái thế giới hữu tình này. Nay đem một điều không thể ai ai cũng làm được mà đem thi hành ra cho nhất luật thì không khỏi có sự ép ưỡng miễn cưỡng ở trong, việc đã là ép ưỡng miễn-cưỡng thì không nói chỉ những kẻ giả dối, cứ ước chính ngay người thực lòng, quyết giữ lấy lời đã hứa, tất ở trong sinh cơ bị ép-ức ần-tình sinh u-uất, muốn tránh phiền não mà càng ứ-độ thêm, trí tuệ cũng nhân đó không phát đạt được. Cho nên lệ Bà-la-môn cứ đến hồi bốn mươi trở đi, học vẫn đã thành

TIN CÁC HỘI - VIỆN QUÁ CỐ

M. Hoàng quế Vi, ở phố Amiral Ceaumont, Haiphong.
Đến tịch ngày 9-9-37.

Madame Đặng thị Vi, 32 Hàng Lọng Hanoi.

M. Nguyễn văn Ngọc, ở Vạn-dịch vĩ, viên tịch ngày
tháng 9 năm Đinh-sửu.

Madame Trần thị Hiến, Đền Vũ-Thạch, Hanoi, viên tịch
ngày 10-11-37.

M. Vũ Dzur, 3 Pont-en-bois Hanoi, viên tịch ngày 19-11-37.

Madame Vũ thị Khuê, 6 Mã máy Hanoi, viên tịch ngày
1-11-37.

M. Nguyễn thế Kiệm, Cờ am Hải dương, viên tịch
ngày 7-11-37

M. Đỗ tương Tuấn, Cờ am, Hải dương viên tịch ngày
1-11-37

M. Trần thế Nhuận, 26 Hàng quạt Hanoi, viên tịch
ngày 12-12-37

Madame Lê thị U, làng La-dương Đông triều Hải dương,
đến tịch ngày 28-9-37

Madame Trần thị Quý, 4 Rue mission Hải-dương, viên
tịch ngày 17-11-37

M. Đông Bán, 37 Phố-mới Hanoi, viên tịch ngày mồng 8
tháng 11 ta năm Đinh-sửu

Madame Lê thị Uyên, 173 Phố Lương yên Hanoi, viên-
tịch ngày 3 Janvier 38

M. Hoàng thị Ngân, 4 Cité Tân-hưng Hanoi, viên tịch
ngày 12 tháng chạp năm đinh sửu.

M. Phạm thị Tuyết, làng Đông tỉnh, huyện Văn-giang,
lộc-ninh viên tịch ngày 23-2-37

V. Nguyễn thị Yên, xã Xuân cầu, huyện Văn giang,
lộc-ninh, viên tịch ngày 27-6-37

M. Tô thị Nhữ, xã Xuân cầu, huyện Văn giang Bắc-
nh, viên tịch ngày 24-10-37

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng mandat)

M. M. Lê niệm nghĩa, Mo ay	1\$00
Nguyễn danh Hối, Yên bảy	2.50
Thái đức Hòa, Phong thanh	1.00
Càng, Cailay	2.00
Lê tấn Trụ, Myltho	0.50
Lưu cầm Hà, Ninh bình	1.60
Lê đặng Khắc, Thànhhoa	2\$00
Phạm văn Tĩnh, Thanhhoa	2.00
Vũ văn Minh, Kiến-an	2.00
Huỳnh văn Nhung, Pnompenh	1.50
Nguyễn ngọc Kỳ, »	1.50
Trần văn Minh, »	1.50
Nguyễn văn Biện, »	1.50
Huyện Phép, »	1.50
Hà công Thường, »	1.00
Phạm văn Ngụy, Giadinh	1.50
Lê-quang-Thước và Nguyễn-văn-Nghi Yên-bay	3.00
Lê văn Sanh, Saigon	1.00
Phạm duy Quý, Kiến an	1.00

ÁNH SÁNG PHẬT PHÁP

Bản báo vừa tiếp được báo Ánh-sáng Phật-pháp số 1. Quản-lý là Monsieur Đinh-văn-Khương Secrétaire de la Cie des eaux et d'Électricité Phnompenh Cambode. Báo mỗi tháng ra một kì giá 0\$15 mỗi năm 1.50, sáu tháng 0.80. Bản báo xin có lời chúc mừng bạn đồng nghiệp mới được đạt tới cõi vô lượng thọ vô lượng quang, và xin giới thiệu cùng các tín đồ Phật-giáo. Đuốc - Tuệ.

NAM CƯỜNG

Bản-báo mới tiếp được tờ báo Nam-cường n. 1 mới xuất bản Chủ-nhiệm là M. Phạm-lê Bông N. 44 Phố hàng-bờ. Mỗi chủ-nhật ra một kỳ, giá báo mỗi năm 2\$00, sáu tháng 1\$20, ba tháng 0\$70, bản báo xin giới thiệu cùng các độc-giả và kính mừng bạn đồng-nghiệp mới được trang thọ.

Đuốc-Tuệ

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản lý CUNG ĐÌNH BÌNH